

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH
CHUYÊN NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Ngô Thị Vinh Hoa

HẢI PHÒNG – 2025

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT
LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN PMP VINA**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH
CHUYÊN NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Ngô Thị Vinh Hoa

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Thị Kim Oanh

HẢI PHÒNG – 2025

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Ngô Thị Vinh Hoa

Mã SV: 2212401008

Lớp : QT2601K

Ngành : Quản trị kinh doanh

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần
PMP Vina

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

- Nghiên cứu lý luận chung về công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần PMP.
- Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần PMP Vina.
- Đề xuất một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần PMP Vina.

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

- Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến công tác kế toán nguyên vật liệu tại doanh nghiệp.
- Số liệu về thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần PMP Vina.
- Hệ thống sổ sách kế toán liên quan đến tổ chức kế toán công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần PMP Vina, sử dụng số liệu năm 2024.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

- Công ty Cổ phần PMP Vina.
- Địa chỉ: Số 85 Quốc lộ 5 mới - Phường Hùng Vương - Quận Hồng Bàng – Thành phố Hải Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : Phạm Thị Kim Oanh

Học hàm, học vị : Thạc sĩ

Cơ quan công tác : Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần PMP.

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 06 tháng 10 năm 2025

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 27 tháng 12 năm 2025

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Giảng viên hướng dẫn

Ngô Thị Vinh Hoa

ThS. Phạm Thị Kim Oanh

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

XÁC NHẬN CỦA KHOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: **Phạm Thị Kim Oanh**

Đơn vị công tác: **Khoa Quản trị kinh doanh**

Họ và tên sinh viên: Chuyên ngành: **Kế toán - Kiểm toán**

Nội dung hướng dẫn: Công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty CP PMP Vina

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Chăm chỉ, chịu khó thu thập số liệu, tài liệu;
- Thực hiện theo đúng kế hoạch được giao;
- Nghiêm túc trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp;

2. Đánh giá chất lượng của đồ án/khoá luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

Khoá luận của sinh viên **Ngô Thị Vinh Hoa** đã đáp ứng được yêu cầu của một khoá luận tốt nghiệp. Kết cấu của khoá luận được tác giả sắp xếp khoa học, hợp lý được chia làm 3 chương:

Chương 1: Trong chương này, tác giả đã hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

Chương 2: Trong chương này, tác giả đã trình bày được thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty CP PMP Vina. Bài viết có số liệu minh họa cụ thể (Năm 2024).

Chương 3: Trong chương này, tác giả đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được các kiến nghị giúp hoàn thiện công tác kế toán tại công ty.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ ☐

Không được bảo vệ ☐

Điểm hướng dẫn ☐

Hải Phòng, ngày..... tháng năm 2025

Giảng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ths. Phạm Thị Kim Oanh

MỤC LỤC

MỤC LỤC	I
LỜI CAM ĐOAN	I
LỜI CẢM ƠN	II
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	III
DANH MỤC BẢNG, BIỂU	IV
DANH MỤC SƠ ĐỒ	V
LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP	4
1.1. Khái quát chung về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	4
1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của nguyên vật liệu	4
1.1.2. Vai trò của nguyên vật liệu trong sản xuất.....	5
1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu.....	6
1.1.4. Phân loại nguyên vật liệu	7
1.1.5. Tính giá nguyên vật liệu.....	9
1.2. Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu	14
1.2.1. Chứng từ và sổ sách sử dụng	14
1.2.2. Trình tự luân chuyển chứng từ.....	15
1.2.3. Phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu	16
1.3. Tổ chức kế toán tổng hợp về nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	21
1.3.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên	21
1.3.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ	24
1.4. Các hình thức sổ kế toán áp dụng trong kế toán nguyên vật liệu	26
1.4.1. Hình thức Nhật ký chung	27
1.4.2. Hình thức Nhật ký – Sổ cái	28
1.4.3. Hình thức Nhật ký – Chứng từ	29
1.4.4. Hình thức Chứng từ ghi sổ.....	30
1.4.5. Hình thức kế toán máy	30

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN PMP VINA.....	32
2.1. Tổng quan về Công ty Cổ phần PMP Vina.....	32
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển Công ty Cổ phần PMP Vina	32
2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.....	34
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý.....	35
2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần PMP Vina.....	38
2.2. Thực trạng về công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần PMP Vina	41
2.2.1. Đặc điểm và phân loại nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần PMP Vina.	41
2.2.2. Phương pháp tính giá nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần PMP Vina ...	43
2.2.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần PMP Vina	44
2.2.4. Kế toán tổng hợp Nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần PMP Vina	74
CHƯƠNG 3: HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN PMP VINA.....	80
3.1. Đánh giá chung về kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần PMP Vina	80
3.1.1. Ưu điểm trong kế toán nguyên vật liệu.....	80
3.1.2. Hạn chế còn tồn tại Bên cạnh những ưu điểm, công tác kế toán tại Công ty Cổ phần PMP Vina còn tồn tại những hạn chế nhất định cần cải thiện để phù hợp với yêu cầu quản lý:	82
3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần PMP Vina	83
KẾT LUẬN	87
TÀI LIỆU THAM KHẢO	88

LỜI CAM ĐOAN

Em xin cam đoan khóa luận tốt nghiệp với đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần PMP Vina.” là kết quả nghiên cứu do em tự thực hiện dưới sự hướng dẫn của cô giáo - Thạc sĩ Phạm Thị Kim Oanh. Toàn bộ số liệu và nội dung được trình bày trong khóa luận đều có nguồn gốc rõ ràng, trung thực và chính xác. Những phần nội dung có tham khảo ý kiến hoặc tài liệu của người khác đều được em ghi rõ nguồn trích dẫn.

Em chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính trung thực và kết quả nghiên cứu của đề tài này.

Sinh viên thực hiện

Ngô Thị Vinh Hoa

LỜI CẢM ƠN

Sau quá trình nghiên cứu lý luận và tìm hiểu thực tiễn, em đã hoàn thành khóa luận tốt nghiệp với đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần PMP Vina.”

Trước hết, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới cô giáo – Thạc sĩ Phạm Thị Kim Oanh, người đã tận tình hướng dẫn, chỉ bảo, định hướng và góp ý quý báu trong suốt quá trình em thực hiện đề tài. Sự tận tâm, nghiêm túc và trách nhiệm của cô là nguồn động lực giúp em hoàn thành tốt khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn Ban Giám hiệu cùng toàn thể quý thầy cô Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng, những người đã tận tình giảng dạy, truyền đạt kiến thức, và tạo điều kiện thuận lợi để em có môi trường học tập và rèn luyện tốt nhất trong suốt khóa học.

Đồng thời, em xin gửi lời cảm ơn tới Ban lãnh đạo và các anh chị phòng kế toán Công ty Cổ phần PMP Vina đã hỗ trợ, cung cấp thông tin và chia sẻ kinh nghiệm thực tế quý báu, giúp em có cơ hội vận dụng và đối chiếu giữa lý thuyết với thực tiễn trong quá trình hoàn thiện đề tài.

Trong quá trình thực hiện khóa luận tốt nghiệp khó tránh khỏi những khiếm khuyết, vì vậy, em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của quý thầy, cô giáo để khóa luận tốt nghiệp được hoàn thiện hơn.

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

BTC	Bộ Tài Chính
GTGT	Giá trị gia tăng
NVL	Nguyên vật liệu
TK	Tài khoản
TT	Thông tư
CKTM	Chiết khấu thương mại
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
TSCĐ	Tài sản cố định

DANH MỤC BẢNG, BIỂU

Biểu 2. 1: Phiếu đề xuất mua vật tư	46
Biểu 2. 2: Hóa đơn GTGT số 1657	47
Biểu 2. 3: Biên bản giao hàng kèm giấy nhận nợ số 686.....	49
Biểu 2. 4: Phiếu nhập kho số NK232602.....	51
Biểu 2. 5: Phiếu đề xuất mua vật tư	52
Biểu 2. 6: Hóa đơn GTGT số 00000342	53
Biểu 2. 7: Biên bản giao hàng	54
Biểu 2. 8: Phiếu nhập kho số NK232595.....	55
Biểu 2. 9: Phiếu đề nghị xuất vật tư.....	57
Biểu 2. 10: Phiếu xuất kho số XK05556.....	58
Biểu 2. 11: Phiếu đề nghị xuất vật tư.....	59
Biểu 2. 12: Phiếu xuất kho số XK05584.....	61
Biểu 2. 13: Thẻ kho tờ số 28	65
Biểu 2. 14: Thẻ kho tờ số 29	66
Biểu 2. 15: Thẻ kho tờ số 29	67
Biểu 2. 16: Thẻ kho tờ số 29	68
Biểu 2. 17: Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn vật liệu.....	73
Biểu 2. 18: Trích sổ Nhật ký chung năm 2024	76
Biểu 2. 19: Trích sổ Cái năm 2024	78

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1. 1: Sơ đồ kế toán chi tiết theo phương pháp thẻ song song	17
Sơ đồ 1. 2: Sơ đồ kế toán chi tiết theo phương pháp đối chiếu luân chuyển.....	19
Sơ đồ 1. 3: Sơ đồ kế toán chi tiết theo phương pháp sổ sổ dư.....	21
Sơ đồ 1. 4: Sơ đồ hạch toán NVL theo phương pháp kê khai thường xuyên	23
Sơ đồ 1. 5: Sơ đồ hạch toán NVL theo phương pháp kiểm kê định kỳ	26
Sơ đồ 1. 6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung	27
Sơ đồ 1. 7: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái.....	28
Sơ đồ 1. 8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Chứng từ.....	29
Sơ đồ 1. 9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.....	30
Sơ đồ 1. 10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Kế toán trên máy vi tính ...	31
Sơ đồ 2. 1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty	36
Sơ đồ 2. 2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty.....	38
Sơ đồ 2. 3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.....	41
Sơ đồ 2. 4: Sơ đồ kế toán chi tiết nguyên vật liệu	62

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập và phát triển, các doanh nghiệp trong nước đứng trước nhiều cơ hội mở rộng hoạt động sản xuất – kinh doanh, đồng thời cũng phải đối mặt với áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt. Để tồn tại và phát triển bền vững trong cơ chế thị trường, mỗi doanh nghiệp cần xây dựng chiến lược sản xuất – kinh doanh hiệu quả, trong đó việc kiểm soát chi phí và nâng cao chất lượng sản phẩm đóng vai trò then chốt.

Trong quá trình sản xuất, chi phí nguyên vật liệu, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung là những yếu tố đầu vào ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành sản phẩm. Trong đó, nguyên vật liệu là yếu tố cơ bản, trực tiếp cấu thành nên sản phẩm hoàn chỉnh và thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất của doanh nghiệp. Vì vậy, công tác quản lý và hạch toán nguyên vật liệu có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với việc sử dụng hiệu quả nguồn lực, tiết kiệm chi phí và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Việc tổ chức kế toán nguyên vật liệu khoa học, kịp thời giúp doanh nghiệp đảm bảo cung ứng nguyên vật liệu cho sản xuất, giảm lãng phí, hạ giá thành sản phẩm và nâng cao chất lượng đầu ra. Ngược lại, nếu công tác quản lý nguyên vật liệu không chặt chẽ sẽ dễ dẫn đến thất thoát, gián đoạn sản xuất và ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả kinh doanh cũng như uy tín của doanh nghiệp.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác kế toán nguyên vật liệu, trong thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần PMP Vina, với sự giúp đỡ của các anh, chị trong phòng kế toán và sự hướng dẫn tận tình của cô Phạm Thị Kim Oanh, em đã lựa chọn đề tài “Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần PMP Vina” làm khóa luận tốt nghiệp. Thông qua đề tài, em mong muốn tìm hiểu thực trạng kế toán nguyên vật liệu tại Công ty, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện công tác này trong thời gian tới.

2. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của đề tài là phân tích, đánh giá thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần PMP Vina, từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện nhằm nâng cao hiệu quả quản lý chi phí, sử dụng vật tư tiết kiệm và góp phần cải thiện hiệu quả hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Câu hỏi nghiên cứu

Dựa trên đề tài nghiên cứu, em đưa ra một số câu hỏi nghiên cứu như sau:

Câu 1: Công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất được tổ chức như thế nào và có vai trò gì trong việc quản lý chi phí, giá thành sản phẩm?

Câu 2: Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần PMP Vina hiện nay ra sao? Doanh nghiệp đang áp dụng những quy trình, phương pháp hạch toán nào?

Câu 3: Những hạn chế và nguyên nhân tồn tại trong công tác kế toán nguyên vật liệu của Công ty là gì?

Câu 4: Cần đề xuất những giải pháp nào để hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý chi phí sử dụng vật tư tại doanh nghiệp?

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng: Kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trên cơ sở vận dụng chuẩn mực kế toán và các quy định có trong chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC.

- Phạm vi nghiên cứu: Được thực hiện trên cơ sở số liệu phát sinh thực tế của Công ty Cổ phần PMP Vina trong năm 2024 để minh họa cho đề tài này.

5. Phương pháp nghiên cứu

+ Phương pháp luận chủ nghĩa duy vật biện chứng, duy vật lịch sử làm phương pháp nghiên cứu chung của đề tài trên quan điểm tiếp cận vấn đề có hệ thống, toàn diện, đảm bảo tính logic và thực tiễn của giải pháp.

+ Phương pháp thu thập dữ liệu: Thu thập thông tin từ sổ sách kế toán, chứng từ, báo cáo tài chính và các tài liệu nội bộ của doanh nghiệp trong năm 2024. Bên cạnh đó, sử dụng văn bản pháp lý, chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam làm căn cứ lý luận cho việc phân tích.

+ Phương pháp quan sát và phỏng vấn: Trực tiếp quan sát quá trình tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại doanh nghiệp, đồng thời trao đổi với kế toán viên để hiểu rõ hơn quy trình hạch toán, lưu chuyển chứng từ và công tác quản lý vật tư.

+ Phương pháp phân tích – tổng hợp: Phân tích các số liệu thu thập được nhằm đánh giá thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu, từ đó tổng hợp, so sánh và đối chiếu với các quy định hiện hành để xác định những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân tồn tại.

+ Phương pháp so sánh – đối chiếu: Đối chiếu giữa thực tế kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần PMP Vina với quy định trong chế độ kế toán hiện hành, qua đó đưa ra các kiến nghị và giải pháp hoàn thiện phù hợp với điều kiện cụ thể của doanh nghiệp.

6. Kết cấu của đề tài nghiên cứu

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, bài khóa luận tốt nghiệp được chia làm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần PMP Vina.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần PMP Vina.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Khái quát chung về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của nguyên vật liệu

a. Khái niệm về nguyên vật liệu

Trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nguyên vật liệu là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất (bên cạnh lao động và tư liệu lao động). Đây là đối tượng lao động chủ yếu, tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất, bị tiêu hao toàn bộ và chuyển toàn bộ giá trị vào sản phẩm mới sau mỗi chu kỳ sản xuất.

Theo chế độ kế toán hiện hành (Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư 133/2016/TT-BTC), nguyên vật liệu được xem là tài sản lưu động của doanh nghiệp, được phản ánh trong nhóm hàng tồn kho, cụ thể là tài khoản 152 – Nguyên vật liệu.

Về bản chất kinh tế, nguyên vật liệu là những yếu tố đầu vào cơ bản dùng để tạo ra sản phẩm hoặc cung cấp dịch vụ. Chúng có thể ở dạng vật chất tự nhiên (như gỗ, thép, vải, nhựa, hóa chất,...) hoặc dạng bán thành phẩm được doanh nghiệp khác sản xuất. Trong quá trình sản xuất, nguyên vật liệu thay đổi hình thái vật chất ban đầu để cấu thành nên sản phẩm hoàn chỉnh, quyết định đến chất lượng, kiểu dáng và giá thành sản phẩm.

b. Đặc điểm của nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu chỉ tham gia vào một chu trình sản xuất kinh doanh nhất định và toàn bộ chi phí nguyên vật liệu được chuyển hết một lần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh chúng bị tiêu hao toàn bộ hoặc bị thay đổi hình thái vật chất ban đầu để tạo thành hình thái sản xuất vật chất của sản phẩm.

Nguyên vật liệu thuộc tài sản lưu động, giá trị nguyên vật liệu thuộc vốn lưu động dự trữ và thường chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất cũng như trong giá thành sản phẩm.

Nguyên vật liệu khi tham gia vào từng chu kỳ sản xuất sẽ được chuyển hóa về mặt hình thái vật chất để tạo thành sản phẩm hoàn chỉnh, do đó giá trị của nguyên vật liệu trở thành một trong những yếu tố cấu thành nên giá thành sản phẩm.

+ Về mặt giá trị: Giá trị của nguyên vật liệu khi đưa vào sản xuất thường có xu hướng tăng lên khi nguyên vật liệu đó cấu thành nên sản phẩm.

+ Về hình thái: Khi đưa vào quá trình sản xuất thì nguyên vật liệu thay đổi về hình thái và sự thay đổi này hoàn toàn phụ thuộc vào hình thái vật chất mà sản phẩm do nguyên vật liệu tạo ra.

+ Giá trị sử dụng: Khi sử dụng nguyên vật liệu dùng để sản xuất thì nguyên vật liệu đó sẽ tạo nên những giá trị sử dụng khác.

1.1.2. Vai trò của nguyên vật liệu trong sản xuất

Nguyên vật liệu có vai trò đặc biệt quan trọng trong hoạt động sản xuất – kinh doanh của doanh nghiệp. Đây là yếu tố cơ bản, trực tiếp tạo nên sản phẩm, là cơ sở vật chất chủ yếu cấu thành nên thực thể của sản phẩm và ảnh hưởng sâu sắc đến chất lượng, giá thành cũng như hiệu quả sản xuất.

Để hoạt động sản xuất của doanh nghiệp diễn ra ổn định, tiết kiệm và đạt hiệu quả cao, nguyên vật liệu giữ vai trò là nền tảng, là điều kiện vật chất không thể thiếu bảo đảm cho quá trình sản xuất được tiến hành liên tục, đúng tiến độ và đạt mục tiêu đề ra.

Trước hết, nguyên vật liệu là yếu tố đầu vào chủ yếu của quá trình sản xuất.

Sự đầy đủ, đồng bộ và kịp thời của nguồn cung nguyên vật liệu quyết định tiến độ sản xuất và khả năng thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Khi nguồn vật tư được đảm bảo về chất lượng, chủng loại và số lượng, doanh nghiệp có thể duy trì hoạt động sản xuất liên tục, hạn chế tình trạng gián đoạn, từ đó nâng cao năng suất và hiệu quả sản xuất.

Thứ hai, nguyên vật liệu có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng của sản phẩm.

Nguyên vật liệu là thành phần vật chất cấu thành nên sản phẩm, do đó chất lượng của nguyên vật liệu đầu vào quyết định đến độ bền, độ chính xác và giá trị

sử dụng của sản phẩm đầu ra. Việc sử dụng nguồn vật liệu đạt chuẩn, ổn định sẽ giúp doanh nghiệp tạo ra sản phẩm có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của thị trường, nâng cao uy tín và khả năng cạnh tranh.

Thứ ba, nguyên vật liệu là yếu tố chi phí có tác động lớn đến giá thành sản phẩm.

Trong cơ cấu chi phí sản xuất, chi phí nguyên vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn nhất. Vì vậy, việc tiết kiệm, sử dụng hợp lý và hạn chế hao hụt nguyên vật liệu có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với việc hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Doanh nghiệp nào tổ chức tốt khâu sử dụng vật tư, giảm thiểu lãng phí sẽ có điều kiện nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững hơn.

Cuối cùng, nguyên vật liệu là cơ sở để mở rộng quy mô và tái sản xuất trong doanh nghiệp.

Khi nguồn vật liệu được quản lý, dự trữ và sử dụng hợp lý, doanh nghiệp có thể chủ động hơn trong kế hoạch sản xuất, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để tái đầu tư, đổi mới công nghệ và mở rộng quy mô hoạt động. Việc chủ động nguồn vật liệu cũng giúp doanh nghiệp ứng phó linh hoạt với biến động thị trường và đảm bảo hoạt động sản xuất ổn định, lâu dài.

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu

Xuất phát từ vai trò quan trọng của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất, công tác kế toán nguyên vật liệu có ý nghĩa đặc biệt trong việc phản ánh, kiểm soát và cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời về tình hình thu mua, dự trữ, bảo quản và sử dụng nguyên vật liệu. Kế toán nguyên vật liệu giúp doanh nghiệp quản lý chặt chẽ tài sản, tiết kiệm chi phí, hạn chế thất thoát, đồng thời phục vụ cho việc ra quyết định quản trị và lập báo cáo tài chính chính xác, trung thực.

Để thực hiện tốt chức năng đó, kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp cần đảm nhận các nhiệm vụ chủ yếu sau:

Ghi chép và phản ánh nguyên vật liệu: Tổ chức ghi chép đầy đủ, kịp thời tình hình thu mua, nhập – xuất – tồn kho nguyên vật liệu; mở sổ, thẻ chi tiết cho từng loại vật tư, đảm bảo số liệu chính xác và thống nhất giữa kho và kế toán.

Tính giá nguyên vật liệu: Xác định giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho và xuất kho theo đúng chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành và phương pháp được phép áp dụng, phục vụ chính xác cho công tác tính giá thành sản phẩm.

Kiểm tra việc thu mua và sử dụng: Giám sát việc thực hiện kế hoạch thu mua, cung ứng và sử dụng nguyên vật liệu; kịp thời phát hiện các trường hợp vật tư tồn đọng, thừa hoặc sử dụng không hiệu quả.

Theo dõi bảo quản và định mức tiêu hao: Kiểm soát việc bảo quản, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu theo đúng quy định và định mức, đảm bảo vật tư được sử dụng đúng mục đích và an toàn trong sản xuất.

Kiểm kê và báo cáo: Tham gia kiểm kê định kỳ hoặc đột xuất, xác định chênh lệch giữa sổ sách và thực tế, đề xuất biện pháp xử lý; đồng thời lập các báo cáo liên quan đến tình hình nhập – xuất – tồn kho.

Phân tích và đề xuất: Phân tích tình hình thu mua, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu nhằm đánh giá hiệu quả sử dụng, từ đó đề xuất các giải pháp tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

1.1.4. Phân loại nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu có rất nhiều cách phân loại khác nhau và thường xuyên biến động trong quá trình sản xuất. Để quản lý một cách chặt chẽ, hạch toán chính xác khối lượng nguyên vật liệu, đảm bảo quá trình sản xuất một cách liên tục và ổn định, doanh nghiệp cần phải phân loại nguyên vật liệu ra chi tiết dựa trên những tiêu thức nhất định mà các loại nguyên vật liệu được sắp xếp vào các nhóm khác nhau. Nhờ đó, kế toán có thể theo dõi chính xác và kịp thời cho việc lập kế hoạch thu mua và dự trữ vật tư.

- Căn cứ vào yêu cầu quản lý:

+ ***Nguyên liệu, vật liệu chính***: Là nguyên liệu, vật liệu mà khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh sẽ cấu thành nên thực thể sản phẩm, toàn bộ giá trị của nguyên vật liệu được chuyển vào giá trị sản phẩm mới.

Ví dụ: sắt, thép, gỗ, nhựa, vải, xi măng...

+ ***Vật liệu phụ***: Là các loại vật liệu được sử dụng trong sản xuất để làm tăng chất lượng sản phẩm, hoàn chỉnh sản phẩm hoặc phục vụ cho công việc quản

lý sản xuất, bao gói sản phẩm... Các loại vật liệu này không cấu thành nên thực thể sản phẩm.

Ví dụ: dầu mỡ, sơn, hóa chất tẩy rửa,...

+ **Nhiên liệu:** Là những loại vật tư được sử dụng để cung cấp nhiệt năng phục vụ cho hoạt động sản xuất, vận hành máy móc hoặc sinh hoạt trong doanh nghiệp. Tùy theo trạng thái tự nhiên, nhiên liệu có thể tồn tại ở thể rắn, lỏng hoặc khí như than, củi, xăng, dầu, khí gas,... góp phần bảo đảm cho quá trình sản xuất diễn ra liên tục và hiệu quả.

+ **Phụ tùng thay thế:** Là những loại vật tư được sử dụng để sửa chữa, thay thế các bộ phận hư hỏng của máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, công cụ và dụng cụ sản xuất. Loại vật tư này đảm bảo duy trì hoạt động ổn định, liên tục của dây chuyền sản xuất, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản cố định và năng suất lao động trong doanh nghiệp.

Ví dụ: bu lông, ốc vít, dây curoa, vòng bi,...

+ **Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản:** Bao gồm các loại vật tư và thiết bị như thiết bị cần lắp, không cần lắp, vật kết cấu, công cụ,... được doanh nghiệp mua sắm để phục vụ cho hoạt động đầu tư, xây dựng, cải tạo hoặc mở rộng cơ sở vật chất kỹ thuật.

Những vật tư này không trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất, mà được sử dụng cho việc hình thành các công trình, nhà xưởng và hạng mục đầu tư, qua đó góp phần tạo lập năng lực sản xuất mới và tăng quy mô hoạt động của doanh nghiệp.

Ví dụ: thiết bị điện, dây dẫn,...

+ **Phế liệu:** Là những vật liệu thu hồi được trong quá trình sản xuất hoặc thanh lý tài sản, có thể tái sử dụng hoặc bán ra ngoài.

Ví dụ: sắt thép vụn, phôi bào, vãi vụn,...

+ **Vật liệu khác:** Bao gồm các loại vật tư không thuộc các nhóm trên, phục vụ cho những nhu cầu phụ trợ khác trong doanh nghiệp như bao bì, vật đóng gói,...

- Căn cứ vào nguồn gốc:

+ ***Nguyên liệu, vật liệu mua ngoài:*** Là những vật tư doanh nghiệp mua từ các đơn vị cung cấp trong hoặc ngoài nước, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng lượng vật tư sử dụng.

+ ***Nguyên liệu, vật liệu tự chế biến, gia công:*** Là những loại vật tư do doanh nghiệp trực tiếp sản xuất, gia công hoặc thuê đơn vị bên ngoài chế biến lại nhằm phục vụ cho như cầu sản xuất tiếp theo.

- Căn cứ vào mục đích và nơi sử dụng:

+ Nguyên liệu, vật liệu trực tiếp dùng cho sản xuất, kinh doanh

+ Nguyên liệu, vật liệu trực tiếp dùng cho công tác quản lý

+ Nguyên liệu, vật liệu trực tiếp dùng cho các mục đích khác

1.1.5. Tính giá nguyên vật liệu

Tính giá nguyên vật liệu là việc xác định giá trị của nguyên vật liệu theo những nguyên tắc nhất định, nhằm phản ánh chính xác giá trị hiện có, tình hình biến động và kết quả sử dụng của nguyên vật liệu trong doanh nghiệp. Công tác tính giá có vai trò đặc biệt quan trọng trong kết toán, vì toàn bộ việc ghi chép, phản ánh và lập báo cáo kế toán đều được thể hiện bằng thước đo tiền tệ.

Việc tính giá nguyên vật liệu bao gồm xác định giá thực tế của vật tư nhập kho, xuất kho và tồn kho, trên cơ sở chứng từ kế toán hợp pháp phát sinh trong quá trình sản xuất – kinh doanh. Nguyên tắc chung là tính giá theo phí thực tế, trong đó cơ cấu giá nhập của vật tư phụ thuộc vào nguồn hình thành để xác định đúng số tiền và giá nhập kho. Tùy theo đặc điểm tổ chức sản xuất, quy mô yêu cầu quản lý, doanh nghiệp có thể áp dụng một trong hai cách tính giá: giá thực tế hoặc giá hạch toán.

+ Giá thực tế được coi là nguyên tắc cơ bản, phản ánh đúng giá trị thực tế của nguyên vật liệu khi nhập – xuất kho.

+ Giá hạch toán mang tính chất thủ tục, được sử dụng để đơn giản hóa công tác kế toán hàng ngày; đến cuối kỳ, kế toán cần điều chỉnh chênh lệch giữa giá hạch toán và giá thực tế để đảm bảo số liệu phản ánh đúng giá trị vốn thực tế của vật tư.

Theo quy định hiện hành, nguyên vật liệu được ghi nhận theo giá thực tế (giá gốc), tức là giá trị nguyên vật liệu nhập, xuất và tồn kho đều được phản ánh

trên sổ sách kế toán theo giá thực tế. Tuy nhiên, để giảm bớt khối lượng ghi chép và tính toán hàng ngày, nhiều doanh nghiệp có thể sử dụng giá hạch toán để theo dõi biến động vật tư, sau đó điều chỉnh về giá thực tế khi lập báo cáo cuối kỳ.

a. Giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho

Theo Chuẩn mực kế toán số 02 – Hàng tồn kho, hàng tồn kho được đánh giá theo trị giá gốc (trị giá vốn thực tế). Trị giá vốn thực tế nhập kho được xác định tùy theo từng nguồn nhập.

Nhập kho do mua ngoài, trị giá vốn thực tế bao gồm: Giá mua ghi trên hóa đơn, các khoản thuế không được hoàn lại (thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu không được khấu trừ, thuế bảo vệ môi trường phải nộp (nếu có)), chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản, phân loại, bảo hiểm,...nguyên liệu, vật liệu từ nơi mua về đến kho của doanh nghiệp, công tác phí của cán bộ thu mua, chi phí của bộ phận thu mua độc lập, các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc thu mua nguyên vật liệu và số hao hụt tự nhiên trong định mức (nếu có)

+ Trường hợp thuế GTGT hàng nhập khẩu được khấu trừ thì giá trị của nguyên liệu, vật liệu mua vào được phản ánh theo giá mua chưa có thuế GTGT.

+ Nếu thuế GTGT hàng nhập khẩu không được khấu trừ thì giá trị của nguyên liệu, vật liệu mua vào bao gồm cả thuế GTGT.

+ Đối với nguyên liệu, vật liệu mua bằng ngoại tệ được thực hiện theo quy định tại hướng dẫn phương pháp kế toán chênh lệch tỷ giá hối đoái (TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái).

$$\begin{array}{ccccc} \text{Giá thực} & = & \text{Giá mua} + & \text{Các khoản thuế} + & \text{Chi phí khác} - & \text{Giảm giá hàng} \\ \text{tế NVL} & & \text{ghi trên} & \text{không được} & \text{liên quan đến} & \text{mua và chiết} \\ & & \text{hóa đơn} & \text{hoàn lại} & \text{quá trình thu} & \text{khấu thương} \\ & & & & \text{mua} & \text{mại} \end{array}$$

Nhập kho do tự chế biến, trị giá vốn thực tế bao gồm: Giá thực tế của vật tư xuất chế biến và chi phí chế biến.

$$\begin{array}{ccc} \text{Giá thực tế} & = & \text{Giá thành sản phẩm} + \\ \text{nhập kho} & & \text{thực tế của NVL} \\ & & \text{chi phí liên} \\ & & \text{quan} \end{array}$$

Nhập kho do thuê ngoài gia công, trị giá vốn thực tế bao gồm: Giá thực tế của vật tư xuất thuê ngoài chế biến, chi phí vận chuyển từ doanh nghiệp đến nơi chế biến và ngược lại, chi phí thuê gia công chế biến.

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{của NVL} \\ \text{nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thực tế NVL +} \\ \text{xuất thuê ngoài gia} \\ \text{công chế biến} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí +} \\ \text{vận chuyển} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thuê} \\ \text{ngoài gia công} \\ \text{chế biến} \end{array}$$

Nhập kho do nhận góp vốn liên doanh, vốn góp cổ phần: Trị giá vốn thực tế là giá được các bên tham gia liên doanh, góp vốn chấp nhận + các khoản chi phí có liên quan.

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế} = \\ \text{NVL nhận vốn} \\ \text{góp liên doanh} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá đánh giá +} \\ \text{của hội đồng} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Các chi phí phát sinh} \\ \text{liên quan đến quá} \\ \text{trình tiếp nhận} \end{array}$$

b. Tính giá nguyên vật liệu xuất kho

Việc lựa chọn phương pháp tính giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho phải căn cứ vào đặc điểm của từng doanh nghiệp về số lượng danh điểm nguyên vật liệu, số lần nhập xuất nguyên vật liệu, trình độ của nhân viên kế toán, thủ kho, điều kiện kho tàng của doanh nghiệp. Theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính gồm các phương pháp sau:

❖ Phương pháp tính theo giá đích danh

Theo phương pháp này thì vật tư xuất thuộc lô nào theo giá nào thì được tính theo đơn giá đó. Phương pháp này thường được áp dụng cho những doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được hay sử dụng với các loại vật tư có giá trị cao, có tính cách biệt.

Ưu điểm: Xác định được chính xác giá vật tư xuất làm cho chi phí hiện tại phù hợp phù hợp với doanh nghiệp hiện tại. Công tác tính giá NVL được thực hiện kịp thời và thông qua việc tính giá NVL xuất kho, kế toán có thể theo dõi được kịp thời hạn bảo quản của từng lô NVL.

Nhược điểm: Việc áp dụng phương pháp này đòi hỏi những điều kiện khắt khe, chỉ những doanh nghiệp kinh doanh có ít loại mặt hàng, hàng tồn kho có giá trị lớn, mặt hàng ổn định và loại hàng tồn kho nhận diện được thì mới có thể áp dụng được phương pháp này. Còn đối với những doanh nghiệp có nhiều loại hàng thì không thể áp dụng được phương pháp này.

❖ Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả sử là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước và giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập trước hoặc sản xuất trước và thực hiện theo trình tự cho đến khi chúng được xuất ra hết.

Ưu điểm: Phương pháp này giúp cho chúng ta có thể tính được ngay giá vốn hàng xuất kho của từng lần xuất hàng, do vậy nó cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán ghi chép nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Trị giá vốn của hàng tồn kho sẽ tương đối đúng với giá trị thị trường của mặt hàng đó. Vì vậy, chỉ tiêu hàng tồn kho trên báo cáo kế toán có ý nghĩa thực tế hơn.

Nhược điểm:

Phương pháp này có nhược điểm là làm cho doanh thu hiện tại không phù hợp với những khoản chi phí hiện tại. Đối với phương pháp này, doanh thu hiện tại được tạo ra bởi giá trị vật tư, hàng hóa có được từ cách đó rất lâu. Và nếu số lượng, chủng loại mặt hàng nhiều, phát sinh nhập – xuất kho liên tục, dẫn đến những chi phí cho việc cũng như khối lượng công việc của kế toán sẽ tăng lên nhiều.

❖ Phương pháp bình quân gia quyền

Theo phương pháp này, trị giá vốn thực tế NVL xuất kho được tính căn cứ vào số lượng NVL xuất kho và đơn giá bình quân. Phương pháp này thường được áp dụng trong các doanh nghiệp có tính ổn định về giá cả vật tư hàng hóa khi nhập, xuất kho.

Công thức tính:

$$\text{Giá thực tế NVL xuất kho} = \text{Số lượng NVL xuất kho} \times \text{Đơn giá bình quân gia quyền}$$

Đơn giá bình quân gia quyền được tính theo 2 cách:

Cách 1: Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ

Theo phương pháp này, căn cứ vào giá thực tế của vật tư tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ, kế toán xác định được giá bình quân của một đơn vị vật tư. Căn cứ vào lượng vật tư xuất trong kỳ và giá đơn vị bình quân để xác định giá thực tế xuất trong kỳ.

$$\text{Đơn giá bình quân} = \frac{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} * \text{Đơn giá tồn đầu} + \text{Số lượng nhập trong kỳ} * \text{Đơn giá nhập}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

Ưu điểm: Đơn giản, giảm nhẹ được việc hạch toán chi tiết vật tư so với phương pháp nhập trước xuất trước và nhập sau xuất trước, không phụ thuộc vào số lần nhập xuất của từng danh điểm vật tư.

Nhược điểm: Độ chính xác không cao, công việc kế toán bị dồn vào cuối tháng gây ảnh hưởng đến tiến độ của các khâu kế toán khác, phương pháp này chưa đáp ứng yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Cách 2: Đơn giá bình quân gia quyền liên hoàn (bình quân sau mỗi lần nhập)

Theo phương pháp này, sau mỗi lần nhập kế toán phải xác định giá bình quân của từng danh điểm vật tư. Căn cứ vào giá đơn vị bình quân và lượng vật tư xuất kho giữa 2 lần nhập kế tiếp để kế toán xác định giá thực tế vật tư xuất kho.

$$\text{Đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Trị giá thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Ưu điểm: Phương pháp này cho giá nguyên vật liệu xuất kho chính xác nhất, phản ánh kịp thời sự biến động của giá cả, công việc tính toán được tiến hành đều đặn.

Nhược điểm: Công việc tính toán nhiều và phức tạp, chỉ thích hợp với những doanh nghiệp sử dụng kế toán máy.

Mỗi phương pháp tính giá nguyên vật liệu xuất kho đều có những ưu điểm và hạn chế nhất định. Mức độ chính xác và độ tin cậy của kết quả tính giá phụ thuộc vào yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của đội ngũ kế toán, thủ kho, cũng như điều kiện trang bị phương tiện tính toán và hệ thống xử lý thông tin của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, việc lựa chọn phương pháp phù hợp còn chịu ảnh hưởng bởi tính chất vật tư, mức độ phức tạp về chủng loại, quy cách, tần suất biến động của nguyên vật liệu và điều kiện bảo quản tại kho. Vì vậy, mỗi doanh nghiệp cần cân nhắc kỹ lưỡng và lựa chọn phương pháp tính giá xuất kho phù hợp nhất với đặc điểm sản xuất – kinh doanh của mình, nhằm đảm bảo cung cấp thông tin kế toán trung thực, hợp lý và kịp thời.

Doanh nghiệp sau khi đã lựa chọn phương pháp tính giá phải áp dụng thống nhất trong suốt một niên độ kế toán, nhằm đảm bảo tính nhất quán và khả năng so sánh của số liệu kế toán giữa các kỳ báo cáo.

1.2. Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu

1.2.1. Chứng từ và sổ sách sử dụng

Để theo dõi và quản lý chặt chẽ tình hình nhập – xuất – tồn kho nguyên vật liệu, doanh nghiệp cần sử dụng hệ thống chứng từ kế toán đa dạng. Một số chứng từ được doanh nghiệp trực tiếp lập như phiếu nhập kho, phiếu xuất kho nhằm ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế phát sinh nội bộ. Bên cạnh đó, có những chứng từ do các đơn vị bên ngoài lập và chuyển giao cho doanh nghiệp, chẳng hạn như hóa đơn bán hàng, hóa đơn giá trị gia tăng, được dùng làm căn cứ ghi nhận giá trị vật tư mua vào.

Ngoài ra, hệ thống chứng từ kế toán vật tư còn bao gồm các chứng từ bắt buộc theo quy định hiện hành như phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, thẻ kho, và các chứng từ hướng dẫn mang tính tham khảo nghiệp vụ như biên bản kiểm nghiệm vật tư, phiếu xuất vật tư theo hạn mức, phục vụ cho việc kiểm soát chất lượng, số lượng và giới hạn sử dụng nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

Tuy nhiên, cho dù sử dụng loại chứng từ nào thì doanh nghiệp cũng cần tuân thủ trình tự lập, phê duyệt và lưu chuyển chứng từ để phục vụ cho việc ghi sổ kế toán và nâng cao hiệu quả quản lý nguyên vật liệu tại doanh nghiệp. Các loại chứng từ theo dõi tình hình nhập – xuất nguyên vật liệu bao gồm:

Chứng từ nhập

- + Hóa đơn bán hàng thông thường hoặc hóa đơn GTGT
- + Phiếu nhập kho
- + Biên bản kiểm nghiệm

Chứng từ xuất

- + Phiếu xuất kho
- + Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ
- + Phiếu xuất vật tư theo hạn mức

Chứng từ theo dõi quản lý

- + Thẻ kho
- + Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ
- + Biên bản kiểm kê hàng tồn kho

Sổ kế toán sử dụng

- + Sổ cho tiết vật tư, công cụ dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa
- + Bảng tổng hợp chi tiết vật tư, công cụ dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa
- + Thẻ kho (Sổ kho)
- + Bảng kê nhập xuất

1.2.2. Trình tự luân chuyển chứng từ

a. Trình tự luân chuyển chứng từ nhập nguyên vật liệu

Khi mua nguyên vật liệu, đơn vị cung cấp lập hóa đơn bán hàng chuyển cho doanh nghiệp giữ làm căn cứ ghi nhận mua hàng và thanh toán.

Căn cứ vào các chứng từ hóa đơn mua nguyên vật liệu do bên bán lập và có xác nhận, nếu xét thấy cần thiết như nguyên vật liệu nhập kho số lượng lớn, có tính chất phức tạp hoặc quý hiếm, doanh nghiệp yêu cầu ban kiểm nghiệm tham gia kiểm tra số lượng, quy cách và chất lượng nguyên vật liệu trước khi nhập kho, làm căn cứ để xác định trách nhiệm trong thanh toán và bảo quản đối với những người tham gia mua và nhập nguyên vật liệu. Sau đó các thành viên ban kiểm nghiệm ký vào biên bản kiểm nghiệm vật tư. Biên bản kiểm nghiệm thường được lập thành hai liên: 1 liên lưu tại kho, 1 liên chuyển cho bộ phận kế toán.

Sau khi đã kiểm nghiệm nguyên vật liệu, các bộ phận cung ứng hoặc kế toán vật tư lập phiếu nhập kho trên cơ sở hóa đơn, giấy báo nhận hàng và biên bản kiểm nghiệm. Phụ trách phòng hoặc bộ phận ký vào phiếu nhập kho, thủ kho tiến hành kiểm nhận và nhập kho. Phiếu nhập kho được chia thành 3 liên:

- 1 liên lưu tại bộ phận lập.
- 1 liên giao cho người nhập hàng giữ.
- 1 liên giao cho thủ kho để ghi vào thẻ kho sau đó chuyển cho kế toán vật tư tiến hành ghi sổ.

b. Trình tự luân, chuyển xuất nguyên vật liệu

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất hoặc bộ phận sử dụng vật tư có nhu cầu sẽ lập chứng từ xin xuất nguyên vật liệu hoặc ra lệnh xuất.

Căn cứ vào chứng từ xin xuất nguyên vật liệu hoặc lệnh xuất này, Giám đốc hoặc phụ trách đơn vị duyệt lệnh xuất. Sau đó, bộ phận cung ứng (hoặc kế toán vật tư) lập phiếu xuất kho. Sau đó, thủ kho tiến hành xuất kho nguyên vật liệu. Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên:

- 1 liên lưu ở bộ phận lập phiếu.
- 1 liên thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho sau đó chuyển cho kế toán vật tư tiến hành ghi sổ.
- 1 liên giao cho người đến kho xin nhận nguyên vật liệu giao cho bộ phận yêu cầu để ghi vào sổ kế toán tại bộ phận này.

Cuối cùng, kế toán phân hành tiến hành bảo quản và lưu trữ phiếu xuất kho để làm căn cứ đối chiếu sau này.

1.2.3. Phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu

Đối với doanh nghiệp, việc quản lý hàng tồn kho do nhiều đơn vị, bộ phận tham gia nhưng việc quản lý tình hình nhập, xuất và tồn vật tư, hàng hóa chủ yếu do bộ phận kho và phòng kế toán của doanh nghiệp thực hiện.

Trong thực tế công tác kế toán hiện nay ở nước ta nói chung và các doanh nghiệp nói riêng đang áp dụng một trong ba phương pháp hạch toán chi tiết vật liệu sau:

- Phương pháp thẻ song song
- Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển
- Phương pháp sổ số dư

Mọi phương pháp đều có ưu, nhược điểm riêng. Vì thế, việc hạch toán chi tiết nguyên vật liệu cần có sự nghiên cứu, lựa chọn phương pháp phù hợp với điều kiện cụ thể của từng doanh nghiệp.

a. Phương pháp thẻ song song

Phương pháp thẻ song song là hình thức kế toán chi tiết nguyên vật liệu được sử dụng phổ biến trong các doanh nghiệp, đặc trưng bởi việc ghi chép song song tại hai nơi: kho và phòng kế toán. Phương pháp này cho phép theo dõi thường

xuyên, liên tục tình hình biến động của từng danh điểm vật tư cả về số lượng và giá trị, giúp cung cấp thông tin kịp thời phục vụ công tác quản lý.

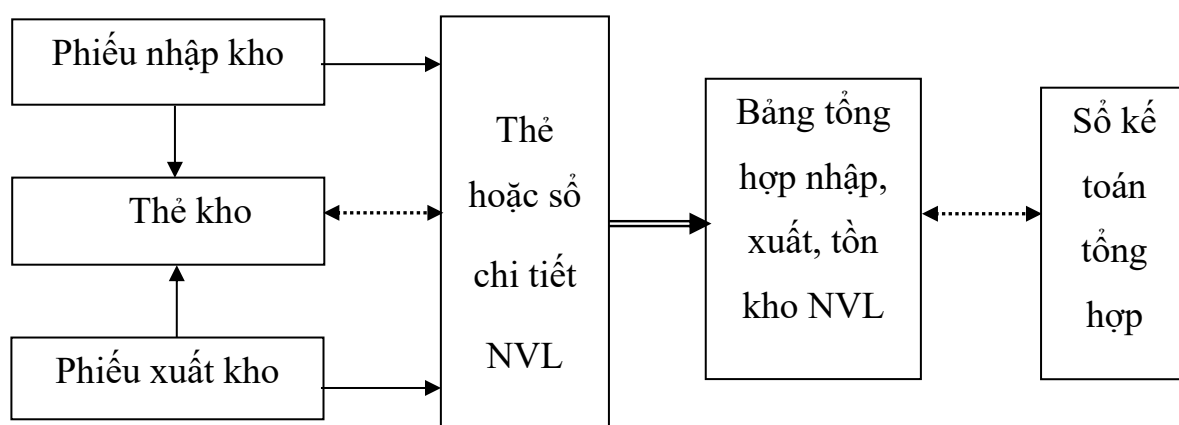
Tại kho, căn cứ vào các chứng từ nhập, xuất nguyên vật liệu, thủ kho ghi chép vào “Thẻ kho” theo từng loại, từng thứ vật tư. Mỗi lần nhập hoặc xuất, thủ kho đều ghi rõ số lượng vào thẻ kho tương ứng. Cuối tháng, thủ kho tính ra số lượng tồn trên thẻ kho và tiến hành đối chiếu với số liệu kế toán để phát hiện và xử lý kịp thời các chênh lệch (nếu có).

Tại phòng kế toán, kế toán căn cứ vào chứng từ nhập, xuất do thủ kho chuyển đến để ghi vào “Sổ kế toán chi tiết nguyên vật liệu” cả về số lượng và giá trị. Cuối kỳ, kế toán tiến hành đối chiếu số liệu trên sổ kế toán chi tiết với thẻ kho; sau khi khớp đúng lập “Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn” cho từng loại vật liệu để đối chiếu với số liệu trên tài khoản 152 – Nguyên vật liệu.

+ *Ưu điểm*: Đơn giản, dễ làm, dễ kiểm tra đối chiếu số liệu, đảm bảo độ tin cậy cao của thông tin và có khả năng cung cấp thông tin nhanh cho quản trị hàng tồn kho.

+ *Nhược điểm*: Khối lượng ghi chép lớn (đặc biệt trường hợp doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật tư, hàng hóa), ghi chép trùng lặp chỉ tiêu số lượng giữa kế toán và thủ kho.

+ *Điều kiện áp dụng*: Thích hợp trong các doanh nghiệp có ít chủng loại vật tư, hàng hóa, khối lượng các nghiệp vụ nhập, xuất ít, phát sinh không thường xuyên, trình độ của nhân viên kế toán chưa cao.



Sơ đồ 1. 1: Sơ đồ kế toán chi tiết theo phương pháp thẻ song song

Ghi chú:

————→ Ghi hàng ngày ==> Ghi cuối tháng <-.-.-.-.-> Đối chiếu

b. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

Khác với phương pháp thẻ song song, trong đó việc ghi chép được thực hiện hàng ngày và song song giữa kho và kế toán, phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển được xây dựng trên nguyên tắc tổng hợp định kỳ, thường là vào cuối tháng. Phương pháp này giúp doanh nghiệp giảm tải công việc ghi chép hàng ngày nhưng vẫn đảm bảo kiểm soát được tình hình nhập – xuất – tồn nguyên vật liệu một cách chính xác và có hệ thống.

Tại kho, thủ kho vẫn duy trì việc ghi chép vào thẻ kho theo từng danh điểm vật tư, phản ánh đầy đủ các nghiệp vụ nhập – xuất về mặt số lượng. Cuối kỳ, căn cứ vào số liệu ghi chép trên thẻ, thủ kho xác định số lượng tồn thực tế và chuyển chứng từ liên quan cho kế toán để đối chiếu.

Tại phòng kế toán, kế toán vật tư mở “Sổ đối chiếu luân chuyển” cho từng kho và từng loại vật tư. Việc ghi sổ chỉ thực hiện một lần vào cuối kỳ, dựa trên toàn bộ chứng từ nhập – xuất đã được kiểm tra và phân loại trong tháng. Sau khi tiến hành đối chiếu, so sánh và đảm bảo số liệu khớp đúng với thẻ kho, kế toán sẽ tổng hợp trị giá thực tế của vật liệu nhập, xuất và tồn kho cuối kỳ, lập “Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn kho nguyên vật liệu” để đối chiếu với tài khoản 152 – Nguyên vật liệu trong sổ cái.

+ *Ưu điểm*: Với phương pháp này khối lượng ghi chép có giảm bớt so với phương pháp ghi thẻ song song.

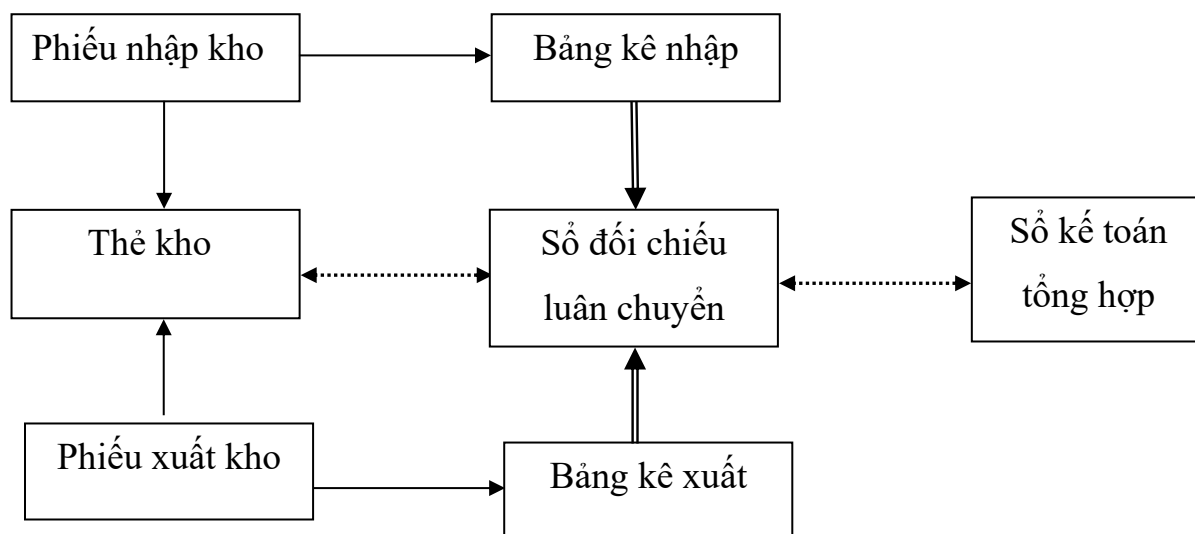
+ *Nhược điểm*: Vẫn trùng lặp chỉ tiêu số lượng giữa ghi chép của thủ kho và kế toán.

- Nếu không lập bảng kê nhập, bảng kê xuất vật tư, hàng hóa thì việc sắp xếp chứng từ nhập, xuất trong cả tháng để ghi sổ đối chiếu luân chuyển dễ phát sinh nhầm lẫn sai sót. Nếu lập bảng kê nhập, bảng kê xuất thì khối lượng ghi chép vẫn lớn.

- Việc kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa kho và phòng kế toán chỉ được tiến hành vào cuối tháng, vì vậy hạn chế chức năng kiểm tra của kế toán.

+ *Điều kiện áp dụng*: Thích hợp cho các doanh nghiệp có quy mô nhỏ hoặc vừa, số lượng nghiệp vụ nhập – xuất nguyên vật liệu không nhiều, và không bố trí riêng bộ phận kế toán chi tiết vật tư. Do hạn chế về nhân lực và nhu cầu quản

lý, các đơn vị này thường không theo dõi, ghi chép hàng ngày, mà tổng hợp chứng từ định kỳ để ghi sổ vào cuối tháng.



Sơ đồ 1. 2: Sơ đồ kế toán chi tiết theo phương pháp đối chiếu luân chuyển

Ghi chú:

————→ Ghi hàng ngày ==> Ghi cuối tháng <-----> Đối chiếu

c. Phương pháp sổ số dư

Phương pháp sổ số dư là hình thức kế toán chi tiết nguyên vật liệu được sử dụng trong các doanh nghiệp có khối lượng nghiệp vụ nhập – xuất lớn, danh điểm vật tư nhiều và đã tin học hóa công tác kế toán. Đặc trưng của phương pháp này là theo dõi tình hình biến động của nguyên vật liệu chủ yếu về mặt giá trị, còn việc phản ánh chi tiết số lượng được thực hiện định kỳ tại kho.

Khác với hai phương pháp trước, phương pháp sổ số dư không ghi chép thường xuyên mà chỉ tổng hợp định kỳ, thường vào cuối tháng. Phương pháp này giúp giảm bớt khối lượng ghi chép trùng lặp, phù hợp với các doanh nghiệp có quy mô lớn, số lượng vật tư đa dạng và đã áp dụng phần mềm kế toán trong quản lý vật tư.

Tại kho, thủ kho vẫn sử dụng thẻ kho để ghi chép hàng ngày tình hình nhập – xuất – tồn của từng danh điểm nguyên vật liệu như các phương pháp khác. Định kỳ, sau khi ghi thẻ kho, thủ kho tập hợp toàn bộ chứng từ nhập – xuất, lập phiếu giao nhận chứng từ và chuyển cho kế toán. Cuối tháng, thủ kho xác định số lượng

tồn kho thực tế của từng danh điểm và ghi vào sổ số dư, sau đó gửi về phòng kế toán để kiểm tra và tính thành tiền.

Tại phòng kế toán, căn cứ vào chứng từ nhập – xuất do thủ kho chuyển đến, kế toán phản ánh giá trị nhập – xuất của từng danh điểm nguyên vật liệu trên bảng lũy kế nhập – xuất – tồn. Cuối kỳ, kế toán đối chiếu số liệu trên sổ số dư với thẻ kho, đồng thời so sánh trị giá tồn kho trên bảng lũy kế với sổ tổng hợp kế toán (TK 152 – Nguyên vật liệu). Sau khi đảm bảo số liệu khớp đúng, kế toán lập Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn nguyên vật liệu để đối chiếu với sổ kế toán tổng hợp.

+ *Ưu điểm:*

- Giảm bớt được khối lượng ghi chép do kế toán chỉ ghi chỉ tiêu thành tiền của vật tư, hàng hóa theo nhóm và theo loại.

- Kế toán thực hiện được việc kiểm tra thường xuyên đối với ghi chép của thủ kho trên thẻ kho và kiểm tra thường xuyên việc bảo quản hàng trong kho của thủ kho.

- Công việc dàn đều trong tháng, nên đảm bảo cung cấp kịp thời các số liệu cần thiết phục vụ cho quản trị vật tư, hàng hóa.

+ *Nhược điểm:*

- Do phòng kế toán chỉ ghi chỉ tiêu thành tiền của nhóm và loại vật tư, hàng hóa vậy để có thông tin về tình hình nhập, xuất hiện còn của thứ hàng nào đó phải căn cứ vào số liệu trên thẻ kho.

- Khi cần lập báo cáo tuần kỳ về vật tư, hàng hóa phải căn cứ trực tiếp vào số liệu trên các thẻ kho.

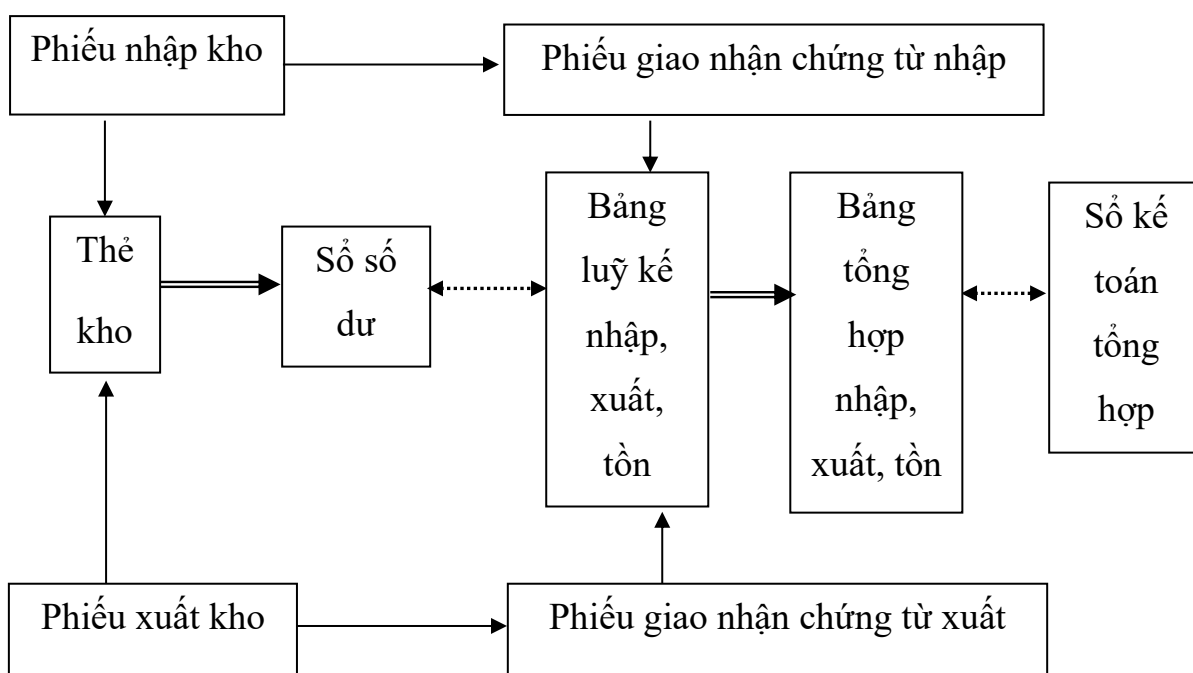
- Khi kiểm tra đối chiếu số liệu, nếu phát hiện sự không khớp đúng giữa số liệu trên sổ số dư với số liệu tương ứng trên bảng kê nhập, xuất, tồn kho thì việc tìm kiếm tra cứu sẽ rất phức tạp.

+ *Điều kiện áp dụng:*

- Nên áp dụng trong các doanh nghiệp sử dụng nhiều chủng loại vật tư hay kinh doanh nhiều mặt hàng, tình hình nhập, xuất vật tư hàng hóa xảy ra thường xuyên.

- Doanh nghiệp đã xây dựng được hệ thống đơn giá hạch toán sử dụng trong hạch toán chi tiết vật tư, hàng hóa và xây dựng được hệ thống danh điểm vật tư,

hàng hóa hợp lý. Nhân viên kế toán hàng tồn kho có trình độ cao, đồng thời thủ kho của doanh nghiệp vừa có khả năng chuyên môn tốt, vừa ý thức được đầy đủ trách nhiệm trong quản lý vật tư, hàng hóa.



Sơ đồ 1. 3: Sơ đồ kế toán chi tiết theo phương pháp sổ số dư

Ghi chú:

—————> Ghi hàng ngày <==> Ghi cuối tháng <.....> Đối chiếu

1.3. Tổ chức kế toán tổng hợp về nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

Hạch toán tổng hợp NVL là việc ghi chép sự biến động về mặt giá trị nguyên vật liệu trên các sổ kế toán tổng hợp. Trong hệ thống kế toán hiện hành, nguyên vật liệu thuộc nhóm hàng tồn kho nên hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu có thể tiến hành theo một trong hai phương pháp sau: Phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp kiểm kê định kỳ

1.3.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên

a. Khái niệm

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi và phản ánh thường xuyên, liên tục, có tình hình nhập, xuất, tồn vật tư, hàng hóa trên sổ kế toán. Trong trường hợp áp dụng phương pháp kê khai thường, các tài khoản kế

toán hàng kho được dùng để phản ánh số hiện có, tình hình biến động tăng, giảm của vật tư, hàng hóa. Vì vậy, giá trị hàng tồn kho trên sổ sách kế toán có thể được xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

Cuối kỳ kế toán, căn cứ vào số liệu kiểm kê thực tế hàng tồn kho, so sánh, đối chiếu với số liệu hàng tồn kho trên sổ kế toán. Về nguyên tắc, số tồn kho thực tế phải luôn phù hợp với số tồn kho trên sổ kế toán. Nếu có chênh lệch phải tìm nguyên nhân và phải có giải pháp xử lý kịp thời.

Phương pháp kê khai thường xuyên thường áp dụng cho các đơn vị sản xuất (công nghiệp, xây lắp...) và các đơn vị thương nghiệp kinh doanh các mặt hàng có giá trị lớn như máy móc, thiết bị, hàng có kỹ thuật, chất lượng cao...

Ưu điểm: Phương pháp này có độ chính xác cao và cung cấp thông tin về hàng tồn kho một cách kịp thời cập nhật, theo phương pháp này tại bất kỳ thời điểm nào kế toán cũng có thể xác định được lượng nhập, xuất, tồn kho từng loại hàng tồn kho.

Nhược điểm: Đối với nguyên vật liệu công kênh, điều kiện cân, đo, đong đếm không được chính xác thì giá trị sản xuất theo chứng từ kế toán nhiều khi xa rời với giá vốn thực tế làm cho công việc kế toán tốn nhiều công sức, phức tạp, phải điều chỉnh giữa số liệu kiểm kê và số liệu tính toán.

b. Tài khoản phản ánh

Theo chế độ kế toán hiện hành – Thông tư 200, kế toán sử dụng tài khoản 152 để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm của các loại nguyên liệu, vật liệu trong kho của doanh nghiệp. Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 152 như sau:

Bên Nợ:

- Trị giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công, chế biến, nhận góp vốn liên doanh hoặc từ các nguồn khác.
- Trị giá nguyên vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê.

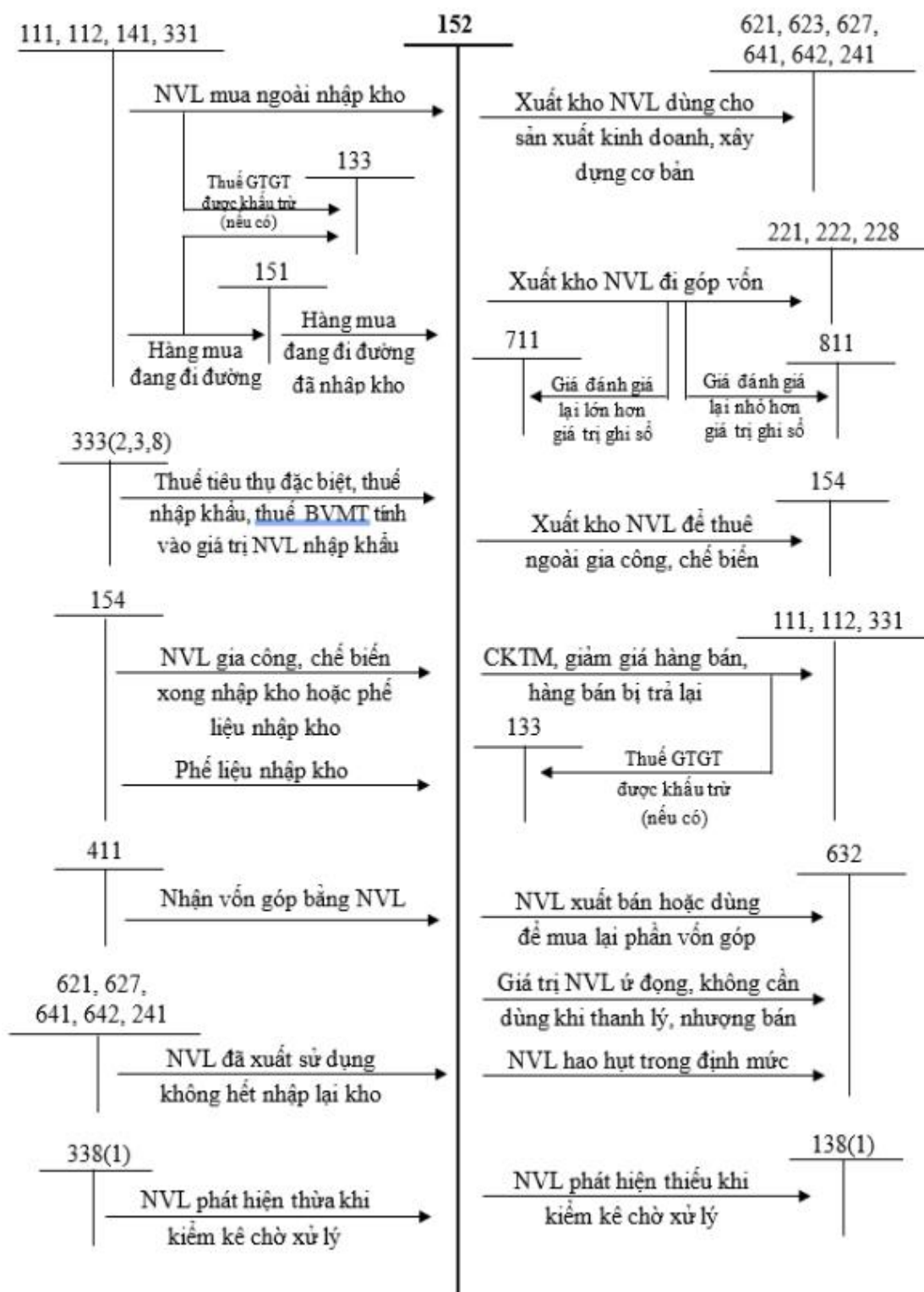
Bên Có:

- Trị giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho dùng vào sản xuất, kinh doanh, để bán, thuê ngoài gia công, chế biến hoặc đưa đi góp vốn.
- Trị giá nguyên vật liệu trả lại người bán hoặc được giảm giá hàng mua.

- Chiết khấu thương mại nguyên vật liệu khi mua được hưởng.
- Trị giá nguyên vật liệu hao hụt, mất mát phát hiện khi kiểm kê.

Số dư bên Nợ:

- Trị giá thực tế của nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ.



Sơ đồ 1. 4: Sơ đồ hạch toán NVL theo phương pháp kê khai thường xuyên

1.3.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ**a. Khái niệm**

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp hạch toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị tồn kho cuối kỳ vật tư, hàng hóa trên sổ kế toán tổng hợp và từ đó tính giá trị của hàng hóa, vật tư đã xuất trong kỳ theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá} & & \text{Trị giá} & & \text{Tổng trị giá} & & \text{Trị giá} \\ \text{hàng xuất} & = & \text{hàng tồn kho} & + & \text{hàng nhập kho} & - & \text{hàng tồn kho} \\ \text{kho trong kỳ} & & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Theo phương pháp kiểm kê định kỳ, mọi biến động của vật tư, hàng hóa (Nhập kho, xuất kho) không theo dõi, phản ánh trên các tài khoản kế toán hàng tồn kho. Giá trị của vật tư, hàng hóa mua và nhập kho trong kỳ được theo dõi, phản ánh trên một tài khoản kế toán riêng (Tài khoản 611 – Mua hàng).

Công tác kiểm kê vật tư, hàng hóa được tiến hành cuối mỗi kỳ kế toán để xác định trị giá vật tư, hàng hóa tồn kho thực tế, trị giá vật tư, hàng hóa xuất kho trong kỳ (Tiêu dùng cho sản xuất hoặc xuất bán) làm căn cứ ghi sổ kế toán của Tài khoản 611.

Như vậy, khi áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ, các tài khoản kế toán hàng tồn kho chỉ sử dụng ở đầu kỳ kế toán (để kết chuyển Số dư đầu tháng) và cuối kỳ kế toán (để phản ánh giá trị thực tế hàng tồn kho cuối kỳ).

Ưu điểm: Việc ghi chép đơn giản, gọn nhẹ vì không phải đối chiếu giữa số liệu kế toán và số lượng kiểm kê mà số liệu kế toán luôn khớp với thực tế.

Nhược điểm: Trên tài khoản tổng hợp không thể hiện rõ giá trị vật liệu xuất dùng hoặc xuất bán cho từng đối tượng, từng nhu cầu khác nhau và không theo dõi được mất mát, hư hỏng.

Phạm vi áp dụng: Phương pháp này áp dụng cho các đơn vị sản xuất có quy mô nhỏ hoặc ở các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có nhiều mặt hàng giá trị thấp.

b. Tài khoản phản ánh

Tài khoản 611 – Mua hàng: Tài khoản này dùng để theo dõi tình hình thu mua, tăng, giảm nguyên vật liệu trong kỳ theo giá thực tế (giá mua và chi phí thu

mua) và được mở chi tiết cho từng loại vật liệu. Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 611 như sau:

Bên Nợ:

- Kết chuyển giá gốc hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho đầu kỳ (theo kết quả kiểm kê).
- Giá gốc hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ mua vào trong kỳ, hàng hóa đã bán bị trả lại...

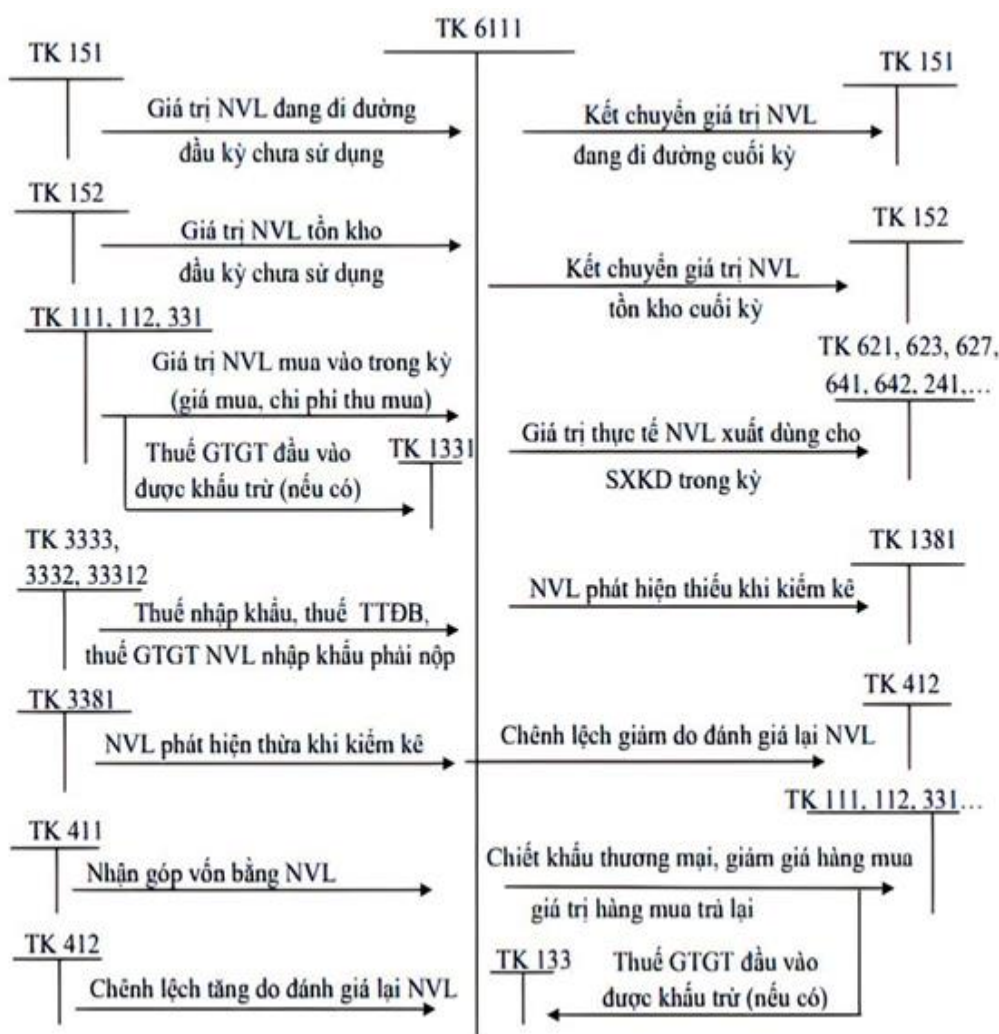
Bên Có:

- Kết chuyển giá gốc hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho cuối kỳ (theo kết quả kiểm kê).
- Giá gốc hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ xuất sử dụng trong kỳ, hoặc giá gốc hàng xuất bán (chưa được xác định là đã bán trong kỳ).
- Giá gốc nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa mua vào trả lại cho người bán hoặc được giảm giá.

Tài khoản 611 không có Số dư cuối tháng.

+ Tài khoản 611 – Mua hàng có 2 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6111 – Mua nguyên liệu, vật liệu: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ mua vào và xuất sử dụng trong kỳ kế toán và kết chuyển giá trị nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho đầu kỳ và cuối kỳ kế toán.
- Tài khoản 6112 – Mua hàng hóa: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hàng hóa mua vào và xuất bán trong kỳ kế toán và kết chuyển giá trị hàng hóa tồn kho đầu kỳ, tồn kho cuối kỳ kế toán.



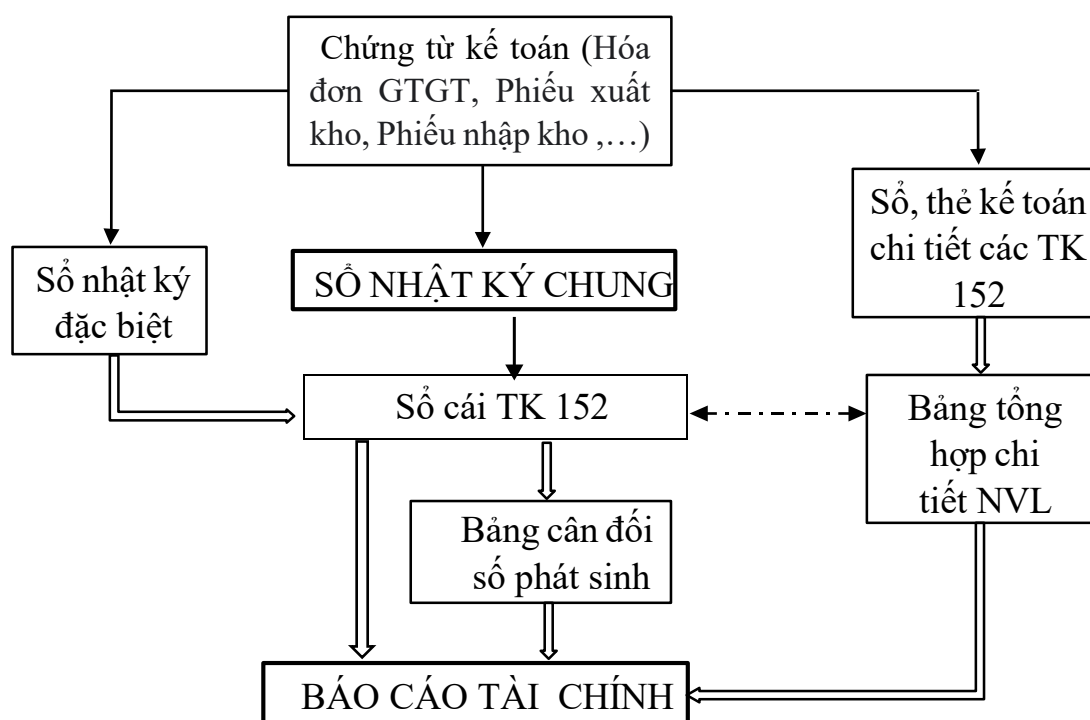
Sơ đồ 1. 5: Sơ đồ hạch toán NVL theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.4. Các hình thức sổ kế toán áp dụng trong kế toán nguyên vật liệu

Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC quy định: Doanh nghiệp được tự xây dựng mẫu sổ kế toán và hình thức ghi sổ kế toán nhưng phải đảm bảo cung cấp thông tin về giao dịch kinh tế một cách minh bạch, phản ánh đầy đủ, kịp thời, dễ kiểm tra, dễ kiểm soát và dễ đối chiếu. Nếu doanh nghiệp không thể xây dựng được hệ thống sổ sách riêng cho mình thì có thể áp dụng một trong năm hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung.
- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.
- Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ.
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

1.4.1. Hình thức Nhật ký chung



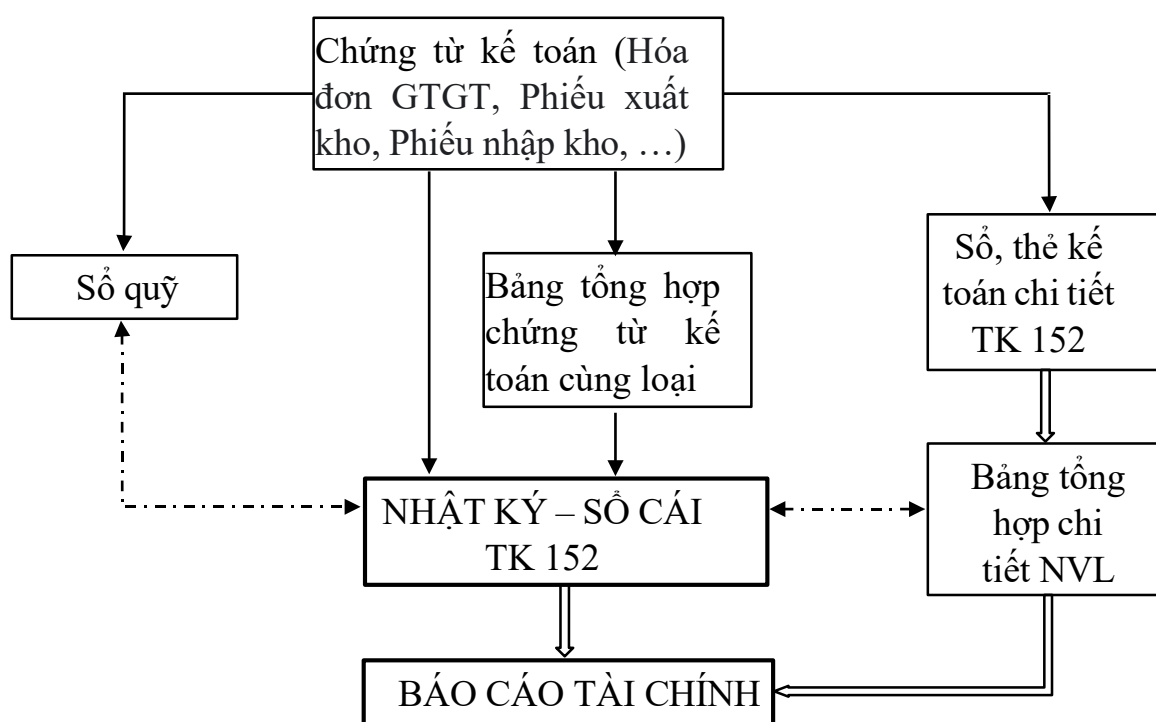
Sơ đồ 1. 6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: $\longrightarrow$ Ghi cuối kỳ: $\Longrightarrow$ Quan hệ đối chiếu: $\longleftrightarrow$

Trình tự ghi sổ: Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã được kiểm tra, kế toán ghi nghiệp vụ phát sinh vào Sổ Nhật ký chung, sau đó chuyển số liệu sang Sổ Cái theo từng tài khoản liên quan. Trường hợp doanh nghiệp có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì việc ghi chép chi tiết được thực hiện đồng thời với ghi Nhật ký chung. Đối với các nghiệp vụ được ghi vào Sổ Nhật ký đặc biệt, kế toán định kỳ tổng hợp và chuyển số liệu sang Sổ Cái sau khi loại trừ trùng lặp. Cuối kỳ kế toán, kế toán cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh và đối chiếu với bảng tổng hợp chi tiết; số liệu sau khi khớp đúng được sử dụng để lập Báo cáo tài chính.

1.4.2. Hình thức Nhật ký – Sổ cái



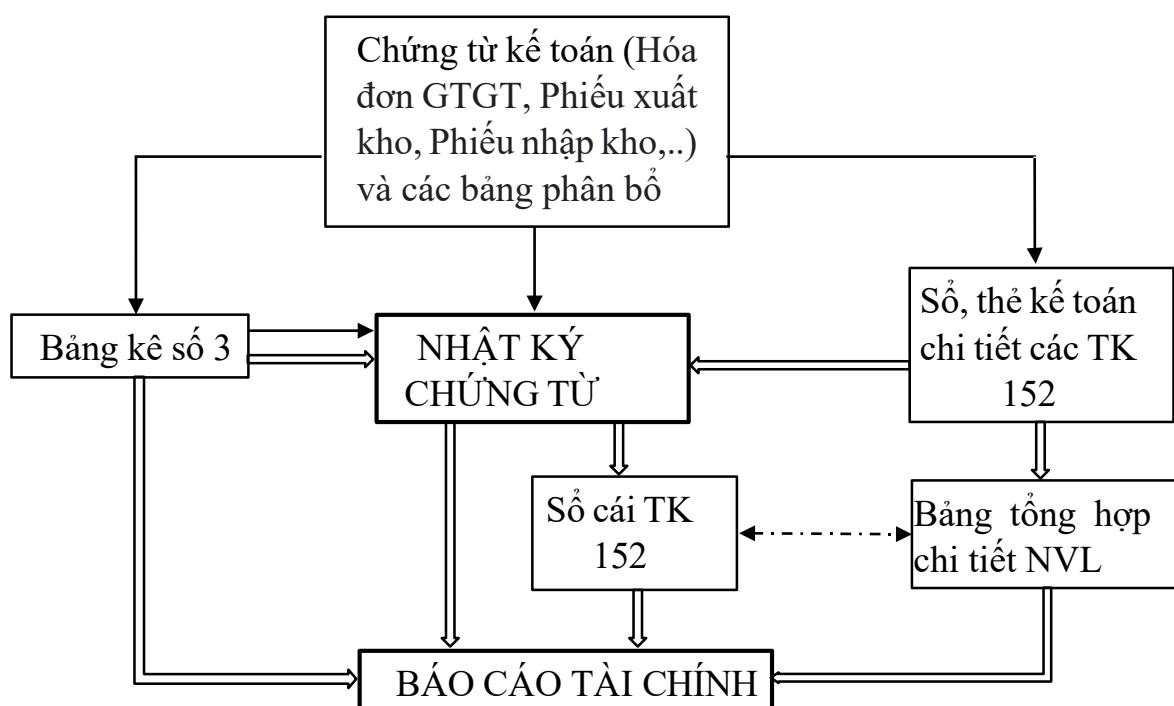
Sơ đồ 1. 7: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: $\longrightarrow$ Ghi cuối kỳ: $\Longrightarrow$ Quan hệ đối chiếu: $\longleftrightarrow$

Trình tự ghi sổ: Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ hoặc Bảng tổng hợp chứng từ đã kiểm tra, kế toán xác định tài khoản Nợ – Có và ghi trực tiếp vào Sổ Nhật ký – Sổ cái, đồng thời cập nhật vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết. Cuối tháng, kế toán cộng số phát sinh ở phần Nhật ký và phần Sổ cái, xác định số dư cuối tháng và lập Bảng tổng hợp chi tiết từ các sổ chi tiết. Số liệu trên Bảng tổng hợp chi tiết được đối chiếu với Sổ Nhật ký – Sổ cái; khi khớp đúng sẽ được dùng để lập Báo cáo tài chính.

1.4.3. Hình thức Nhật ký – Chứng từ



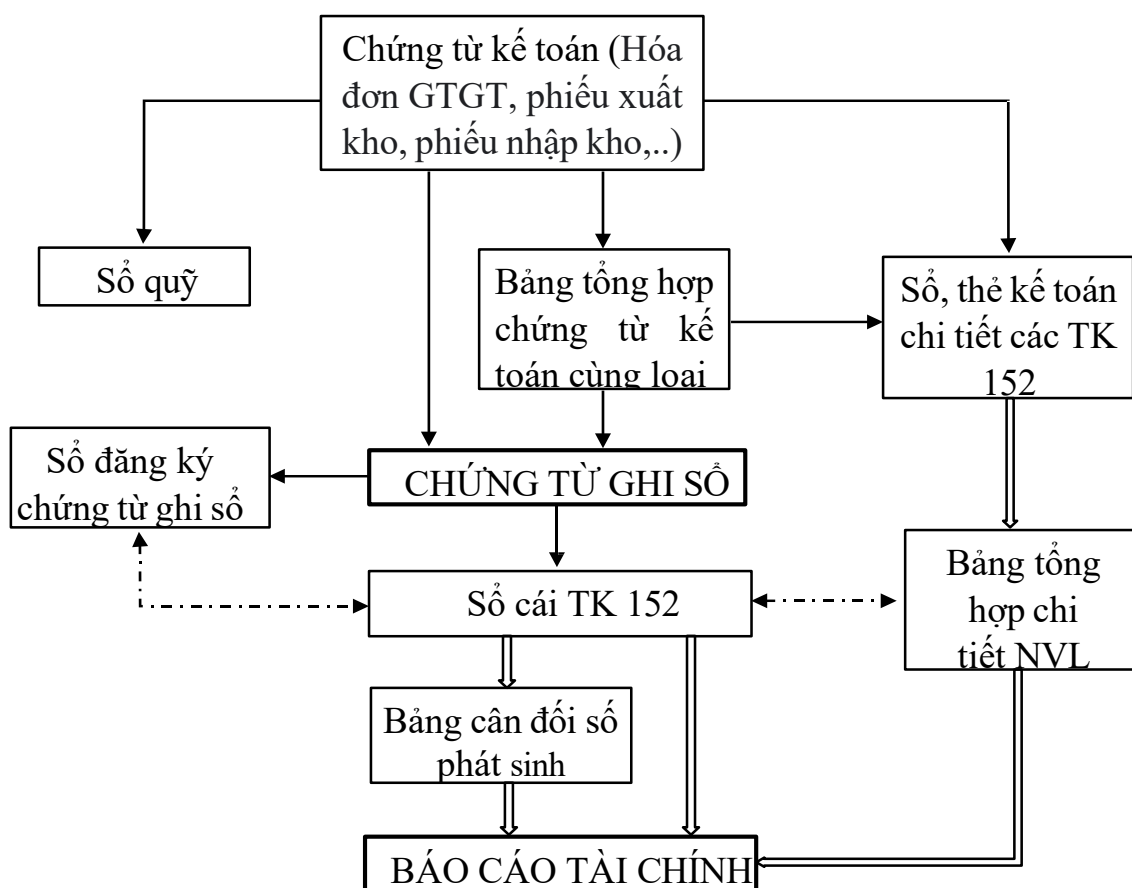
Sơ đồ 1. 8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Chứng từ

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: $\longrightarrow$ Ghi cuối kỳ: $\Longrightarrow$ Quan hệ đối chiếu: $\longleftrightarrow$

Trình tự ghi sổ: Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ đã kiểm tra để ghi trực tiếp vào các Nhật ký – Chứng từ, Bảng kê và sổ chi tiết liên quan; riêng các khoản chi phí phát sinh thường xuyên được tập hợp trước trong bảng phân bổ rồi mới chuyển số liệu vào Bảng kê và Nhật ký – Chứng từ. Cuối tháng, kế toán khóa sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký – Chứng từ, đối chiếu với sổ chi tiết và Bảng tổng hợp chi tiết, sau đó lấy số liệu tổng cộng để ghi vào Sổ Cái. Các số liệu đã đối chiếu khớp đúng giữa Sổ Cái, Nhật ký – Chứng từ và các bảng chi tiết được sử dụng để lập Báo cáo tài chính.

1.4.4. Hình thức Chứng từ ghi sổ



Sơ đồ 1. 9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

Ghi chú:

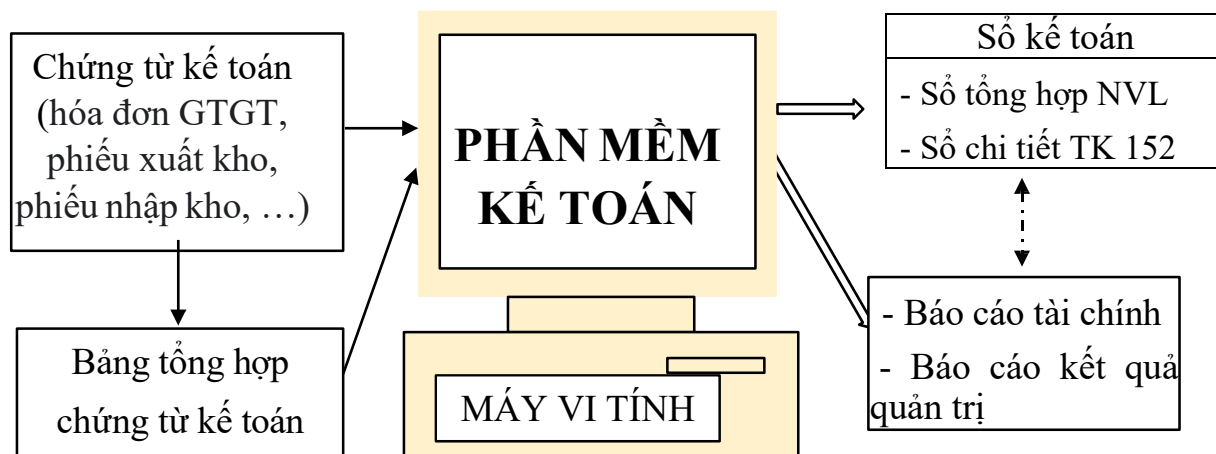
Ghi hàng ngày: $\longrightarrow$ Ghi cuối kỳ: $\Longrightarrow$ Quan hệ đối chiếu: $\longleftrightarrow$

Trình tự ghi sổ: Hàng ngày hoặc định kỳ, kế toán căn cứ vào chứng từ đã kiểm tra để lập Chứng từ ghi sổ, ghi vào Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ và chuyển số liệu sang Sổ Cái, đồng thời cập nhật vào các sổ chi tiết liên quan. Cuối tháng, kế toán khóa sổ, xác định số phát sinh và số dư của từng tài khoản, lập Bảng cân đối tài khoản và đối chiếu với Bảng tổng hợp chi tiết. Khi số liệu khớp đúng, chúng được sử dụng để lập Báo cáo tài chính.

1.4.5. Hình thức kế toán máy

Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.



Sơ đồ 1. 10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Kế toán trên máy vi tính

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: $\longrightarrow$ Ghi cuối kỳ: $\Longrightarrow$ Quan hệ đối chiếu: $\longleftrightarrow$

Trình tự ghi sổ: Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ đã kiểm tra để nhập dữ liệu vào phần mềm, xác định tài khoản Nợ – Có theo các biểu mẫu được thiết kế sẵn; hệ thống sẽ tự động cập nhật vào sổ kế toán tổng hợp và các sổ, thẻ chi tiết liên quan. Cuối tháng (hoặc khi cần), kế toán thực hiện chức năng khóa sổ và lập báo cáo tài chính; việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp và chi tiết được phần mềm tự động thực hiện, đảm bảo tính chính xác. Sau khi kiểm tra, các sổ kế toán tổng hợp và chi tiết được in, đóng quyển và lưu trữ theo quy định.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN PMP VINA

2.1. Tổng quan về Công ty Cổ phần PMP Vina

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển Công ty Cổ phần PMP Vina

a. Thông tin chung về Công ty

Tên Công ty: Công ty Cổ phần PMP Vina

Tên giao dịch quốc tế: PMP VINA JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: PMP VINA JSC

Mã số thuế: 0202042690

Địa chỉ: Số 85 Quốc lộ 5 mới - Phường Hùng Vương - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Hotline: 0915325410

Email: kinhdoanh8.pmp@gmail.com

Website: <http://cokhichetaopmp.vn>

Lĩnh vực hoạt động: Là đơn vị kinh doanh với ngành nghề sản xuất chính là gia công cơ khí chính xác CNC Jig, giá, khuôn và chế tạo máy.



Hình 2. 1: Logo Công ty Cổ phần PMP Vina

b. Lịch sử hình thành

Hiện nay, nhu cầu về gia công cơ khí chính xác, sản xuất linh kiện công nghiệp và các sản phẩm từ nhựa, kim loại phục vụ sản xuất đang ngày càng tăng cao, đặc biệt tại các khu công nghiệp lớn ở miền Bắc như Trảng Duệ, VSIP, DeepC, An Dương... Nhận thấy tiềm năng và nhu cầu thực tế đó, ngày 13 tháng 08 năm 2020, Công ty Cổ phần PMP Vina chính thức được thành lập và đăng ký kinh doanh tại Chi cục Thuế huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Người

đại diện theo pháp luật đồng thời là giám đốc Công ty là ông Trịnh Thế Trường. Ngay từ khi thành lập, PMP Vina đã định hướng phát triển là đơn vị chuyên sản xuất, chế tạo và gia công các sản phẩm cơ khí chính xác, sản phẩm từ kim loại, nhựa kỹ thuật và linh kiện phục vụ các ngành công nghiệp điện tử, cơ khí và xây dựng. Với mục tiêu xây dựng một doanh nghiệp nội địa có năng lực cạnh tranh cao và đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật khắt khe của các doanh nghiệp FDI, PMP Vina đã đầu tư hệ thống máy móc hiện đại bao gồm máy tiện CNC, máy phay CNC, máy cắt dây, máy mài và khoan tự động cùng các thiết bị phụ trợ đồng bộ khác. Trong suốt quá trình hoạt động, Công ty luôn chú trọng đến chất lượng sản phẩm, tiến độ sản xuất và cam kết đồng hành cùng khách hàng trong mọi dự án.

Trong hơn 5 năm phát triển, Công ty Cổ phần PMP Vina từng bước xây dựng được uy tín và mối quan hệ hợp tác bền vững với nhiều doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước. Các khách hàng tiêu biểu có thể kể đến như LG Electronics Việt Nam, LS Metal Vina, Hitron Technology Việt Nam, Chilsin Electronics Việt Nam, Điện khí Wolong... Chủ yếu là các doanh nghiệp có vốn đầu tư Hàn Quốc, Nhật Bản và Trung Quốc đang hoạt động tại các khu công nghiệp trọng điểm ở Hải Phòng và các tỉnh lân cận. Hiện nay, văn phòng và xưởng gia công cơ khí được đặt đồng thời tại Số 85 Quốc lộ 5 mới- Phường Hùng Vương- Quận Hồng Bàng nhằm thuận tiện cho việc tiếp cận các đối tác và đáp ứng các đơn hàng lớn với tiến độ cao.

Đến nay, PMP Vina đã mở rộng hoạt động sang nhiều lĩnh vực như sản xuất linh kiện điện tử, bao bì nhựa kỹ thuật, sản phẩm chịu lửa, vật liệu xây dựng từ đất sét và gia công các thiết bị nhà bếp, vệ sinh bằng kim loại. Công ty không ngừng nghiên cứu cải tiến kỹ thuật, nâng cao trình độ tay nghề của đội ngũ nhân sự và đẩy mạnh hợp tác với các nhà cung cấp nguyên vật liệu, đại lý logistic, nhằm tối ưu hóa chuỗi cung ứng và gia tăng giá trị cho khách hàng. Với vốn điều lệ hiện tại là 11,5 tỷ đồng và đội ngũ hơn 40 cán bộ công nhân viên lành nghề, PMP Vina từng bước khẳng định vị thế là một trong những doanh nghiệp vừa uy tín trong lĩnh vực gia công cơ khí và sản xuất công nghiệp tại khu vực phía Bắc. Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục đặt mục tiêu mở rộng quy mô sản xuất, đầu tư thêm trang thiết bị và đẩy mạnh hợp tác trong chuỗi cung ứng nội địa và quốc tế, hướng tới phát triển bền vững và đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của ngành công nghiệp hỗ trợ Việt Nam.

2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

a. Lĩnh vực hoạt động của Công ty

Công ty cổ phần PMP Vina hiện đang không ngừng phát triển để trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực gia công cơ khí chính xác và cung cấp thiết bị công nghiệp. Với định hướng lấy chất lượng và uy tín làm nền tảng, Công ty luôn nỗ lực cải tiến công nghệ, đa dạng hóa sản phẩm, tối ưu chi phí để mang lại giá trị vượt trội cho khách hàng. Công ty hiện cung cấp các dịch vụ chính sau:

- Cung cấp, lắp đặt thiết bị điện công nghiệp và hệ thống tự động hóa
- Cung cấp, lắp đặt hệ thống khí và khí nén
- Cung cấp vật tư máy móc nhập khẩu, vật tư tiêu hao, thiết bị phòng sạch, dụng cụ cầm tay và vật tư phụ trợ khác
- Cung cấp thiết bị, vật tư cho các nhà máy có vốn đầu tư nước ngoài (FDI)
- Gia công cơ khí, lắp đặt băng tải, bàn thao tác, giá kệ,...
- Gia công cơ khí chính xác CNC Jig, chế tạo giá, khuôn và chế tạo máy

b. Thị trường đầu vào của Công ty

Trong bối cảnh công nghiệp chế tạo và tự động hóa ngày càng phát triển, Công ty Cổ phần PMP Vina luôn chú trọng xây dựng nguồn cung đầu vào ổn định và chất lượng. Công ty hợp tác với nhiều đối tác cung cấp thiết bị, vật tư kỹ thuật và máy móc uy tín tại Hải Phòng như Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Hải, Công ty TNHH Thiết bị công nghiệp Việt Phát cùng các đơn vị nhập khẩu vật tư từ Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc.

Nguồn cung chủ yếu bao gồm thiết bị điện – điện tử, hệ thống khí nén, vật tư tiêu hao, dụng cụ cầm tay, thiết bị phòng sạch và linh kiện cơ khí chính xác. Việc hợp tác với các nhà cung cấp có năng lực giúp PMP Vina đảm bảo chất lượng sản phẩm đầu vào, tiến độ giao hàng và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật khắt khe của khách hàng công nghiệp trong và ngoài nước.

c. Thị trường đầu ra của Công ty

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực gia công cơ khí chính xác, lắp đặt hệ thống thiết bị và cung cấp vật tư công nghiệp, thị trường đầu ra của PMP Vina chủ yếu hướng đến các nhà máy có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) và các

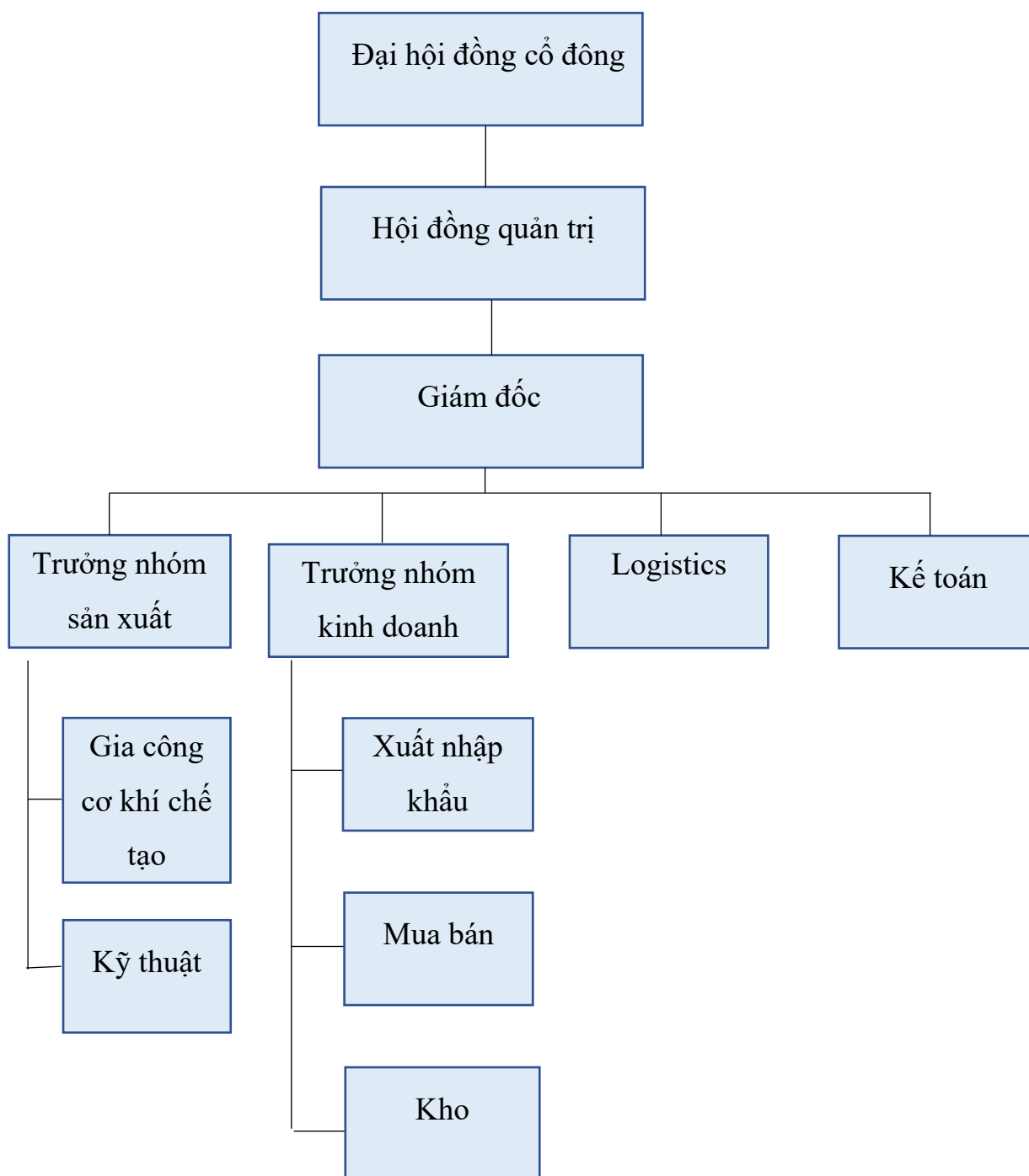
doanh nghiệp sản xuất trong các khu công nghiệp lớn tại Hải Phòng, Hưng Yên, Hải Dương.

Hiện nay, PMP Vina là đối tác cung ứng các sản phẩm và dịch vụ kỹ thuật cho nhiều doanh nghiệp tiêu biểu như VinFast, Ohsung Vina, Kyungsung Việt Nam, điện khí Changhong Việt Nam, Kỹ thuật nhựa Sutai Việt Nam, Công nghệ Robot Grand-Pro cùng nhiều Công ty trong lĩnh vực điện tử, vật liệu mới và cơ khí chính xác.

Với năng lực kỹ thuật cao, đội ngũ kỹ sư giàu kinh nghiệm và hệ thống máy móc hiện đại, PMP Vina không ngừng khẳng định vị thế của mình trên thị trường, trở thành đối tác tin cậy trong việc gia công, lắp đặt và cung cấp thiết bị kỹ thuật cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý

Công ty Cổ phần PMP Vina là một tổ hợp chuyên môn hóa. Mỗi phòng ban có nhiệm vụ riêng nhưng không rời rạc mà liên kết thành một hệ thống không thể tách rời. Trong những năm gần đây, để phù hợp với nền kinh tế thị trường, doanh nghiệp đã liên tục thực hiện công tác tinh giản, sàng lọc lao động, xây dựng bộ máy quản lý gọn nhẹ, linh hoạt, có hiệu quả.



Sơ đồ 2. 1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty

❖ Chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ): Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty Cổ phần PMP Vina, quyết định những vấn đề quan trọng nhất liên quan đến định hướng phát triển, cơ cấu tổ chức và quyền lợi của cổ đông. ĐHĐCĐ thông qua báo cáo tài chính, kế hoạch kinh doanh, phương án phân phối lợi nhuận, sửa đổi điều lệ, thay đổi vốn điều lệ và bầu hoặc miễn nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị. Mọi quyết định chiến lược của

Công ty đều phải được ĐHĐCĐ phê duyệt, bảo đảm hoạt động của doanh nghiệp minh bạch và phù hợp với quy định pháp luật.

Hội đồng quản trị: Chịu trách nhiệm quyết định chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất – kinh doanh và tổ chức bộ máy quản lý của Công ty. HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc, phê duyệt các dự án và hợp đồng lớn, đồng thời giám sát hoạt động tài chính và hiệu quả sản xuất, bảo đảm Công ty vận hành đúng pháp luật và phù hợp mục tiêu đã đề ra.

Giám đốc: Là người điều hành trực tiếp các hoạt động hằng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị và quản lý sản xuất – kinh doanh. Giám đốc quyết định các vấn đề điều hành trong phạm vi được giao, ký kết hợp đồng, quản lý tài chính và nhân sự, đồng thời chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Công ty.

Bộ phận sản xuất: Là bộ phận trực tiếp tổ chức, điều hành và thực hiện các hoạt động gia công, chế tạo sản phẩm cơ khí chính xác theo từng đơn đặt hàng của khách hàng. Phòng chịu trách nhiệm quản lý quy trình sản xuất, đảm bảo chất lượng

Bộ phận kinh doanh: Lập kế hoạch sản xuất, chịu trách nhiệm mua vật tư đầu vào và thực hiện phân phối tiêu thụ sản phẩm, xây dựng chương trình xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm. Tìm kiếm thị trường, bạn hàng nước ngoài, ký kết hợp đồng xuất nhập khẩu, giải quyết các vấn đề liên quan đến xuất nhập khẩu.

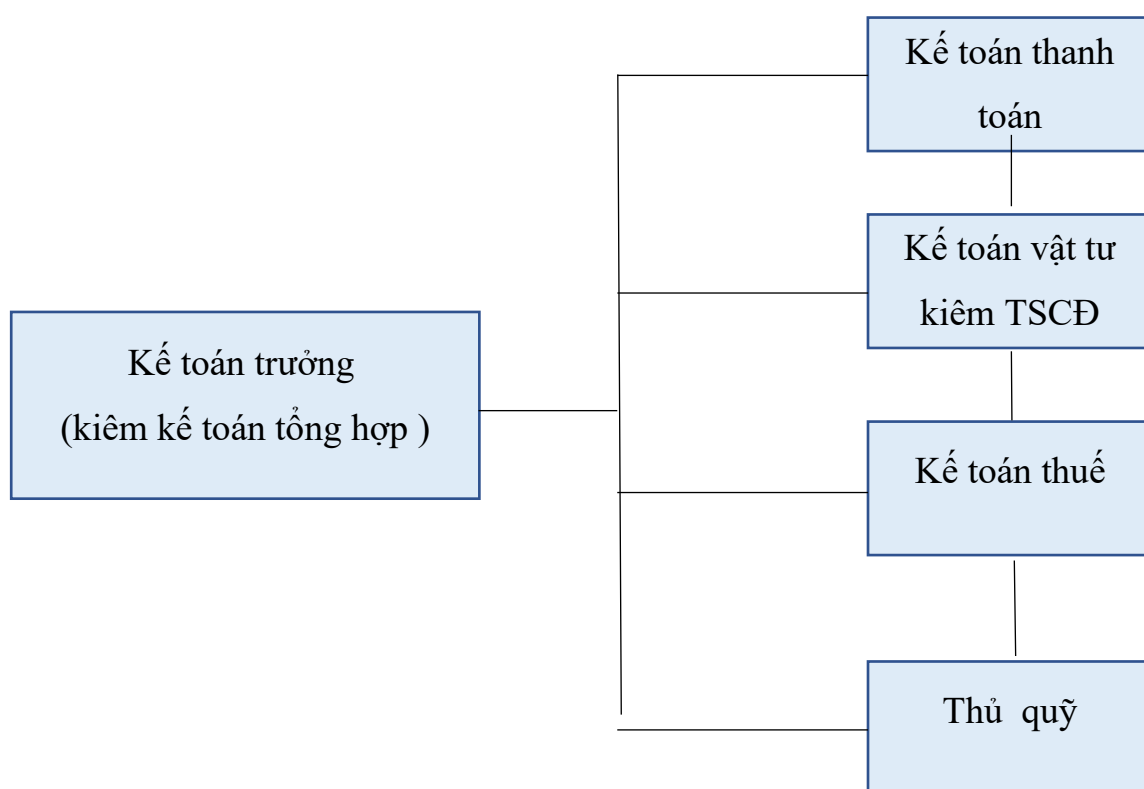
Bộ phận Logistics: Hoạt động dưới sự chỉ đạo của phòng kinh doanh, chịu trách nhiệm tổ chức, sắp xếp và điều phối quá trình giao hàng theo các đơn đặt hàng của khách. Bộ phận này đảm nhiệm việc vận chuyển, lưu kho và giao nhận hàng hóa, đảm bảo tiến độ, an toàn trong suốt quá trình và tối ưu hóa chi phí vận hành. Đồng thời, Logistics phối hợp chặt chẽ với phòng kinh doanh trong công tác quản lý hàng tồn kho, theo dõi tình hình xuất – nhập hàng và thực hiện đầy đủ các thủ tục, chứng từ liên quan đến vận tải và giao nhận theo quy định của Công ty.

Bộ phận kế toán: Tham mưu cho Giám đốc về lĩnh vực tài chính, theo dõi và báo cáo Giám đốc về tình hình sử dụng vốn, cung cấp kịp thời, chính xác mọi thông tin về tình hình tài chính của doanh nghiệp, tổ chức điều hành kế toán theo quy định của Nhà nước, ghi chép và phản ánh trung thực về sự biến động hàng hóa trong sản xuất kinh doanh và trong mỗi kỳ hạch toán.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần PMP Vina

a. Đặc điểm bộ máy kế toán tại Công ty Cổ phần PMP Vina

Bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần PMP Vina được tổ chức theo hình thức tập trung, phù hợp với trình độ của kế toán viên và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp, đảm bảo tuân thủ đúng chuẩn mực hạch toán kế toán hiện hành theo quy định của pháp luật. Giữa các phần hành kế toán đều có mối quan hệ tương hỗ lẫn nhau, so sánh đối chiếu để đảm bảo các thông tin được phản ánh, ghi chép kịp thời, chính xác.



Sơ đồ 2. 2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty

❖ Chức năng, nhiệm vụ cụ thể của các bộ phận kế toán như sau

Kế toán trưởng (kiêm kế toán tổng hợp): Là người đứng đầu bộ máy kế toán, có nhiệm vụ phụ trách chung, chỉ đạo thực hiện công tác kế toán ở Công ty, là người trực tiếp tham mưu và trợ lý cho Giám đốc trong việc quyết định các phương án kinh doanh, đồng thời chịu trách nhiệm trước Giám đốc, cơ quan cấp trên và pháp luật về vấn đề liên quan đến tình hình tài chính, công tác kế toán của doanh nghiệp thuộc trách nhiệm và quyền hạn của mình. Đồng thời, kế toán trưởng còn thực hiện các nghiệp vụ kế toán tổng hợp, kiểm tra các bộ phận về tính

chính xác trong hạch toán, kiểm tra sổ chi tiết các tài khoản, thực hiện kết chuyển và phân bổ chi phí, kiểm tra đối chiếu số liệu các phần việc chi tiết với sổ tổng hợp.

Kế toán thanh toán: Là người chịu trách nhiệm theo dõi và quản lý công nợ phải thu, phải trả; thường xuyên giám sát, đôn đốc và đề xuất phương pháp xử lý đề hạn chế tình trạng nợ đọng, góp phần duy trì ổn định tình hình tài chính của doanh nghiệp. Đồng thời, phối hợp với phòng kinh doanh trong việc theo dõi vật tư dự trữ, lập đề nghị mua hàng khi cần, kiểm tra và đối chiếu tính hợp lệ của chứng từ nhập – xuất, lập phiếu nhập, xuất kho theo quy định.

Kế toán vật tư kiêm TSCĐ: Theo dõi tình hình nhập – xuất – tồn của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Căn cứ vào phiếu nhập kho và phiếu xuất kho, kiểm tra tính chính xác (số lượng theo yêu cầu thực xuất và thực nhập, đã đầy đủ chữ ký hay chưa...) để hạch toán và ghi sổ chi tiết, sổ tổng hợp. Theo dõi mọi sự biến động của TSCĐ tại doanh nghiệp, tình hình trích khấu hao và phân bổ khấu hao vào quá trình sản xuất kinh doanh, báo cáo thống kê định kỳ. Ngoài ra, còn phải phối hợp cùng phòng kỹ thuật giải quyết các công việc liên quan đến công tác quản lý TSCĐ.

Kế toán thuế: Có nhiệm vụ lập và nộp các báo cáo thuế hàng tháng, hàng quý và hàng năm theo đúng quy định của cơ quan thuế. Thực hiện việc thu nhập, kiểm tra, đối chiếu và tổng hợp hóa đơn, chứng từ đầu vào – đầu ra nhằm đảm bảo tính hợp pháp, hợp lệ và chính xác của số liệu kế toán. Kế toán thuế đồng thời theo dõi, báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp; cập nhập kịp thời các chính sách, quy định mới về thuế để áp dụng đúng và đầy đủ. Khi có phát sinh liên quan, kế toán thuế là người trực tiếp làm việc, giải trình với cơ quan thuế, góp phần đảm bảo doanh nghiệp thực hiện đúng nghĩa vụ thuế và tuân thủ quy định của pháp luật.

Kế toán thủ quỹ: Chịu trách nhiệm quản lý tiền mặt của Công ty, thực hiện các nghiệp vụ thu – chi trên cơ sở chứng từ hợp lệ, đồng thời ghi sổ quỹ, lưu trữ chứng từ và báo cáo cho kế toán trưởng theo yêu cầu nhằm đảm bảo công tác quản

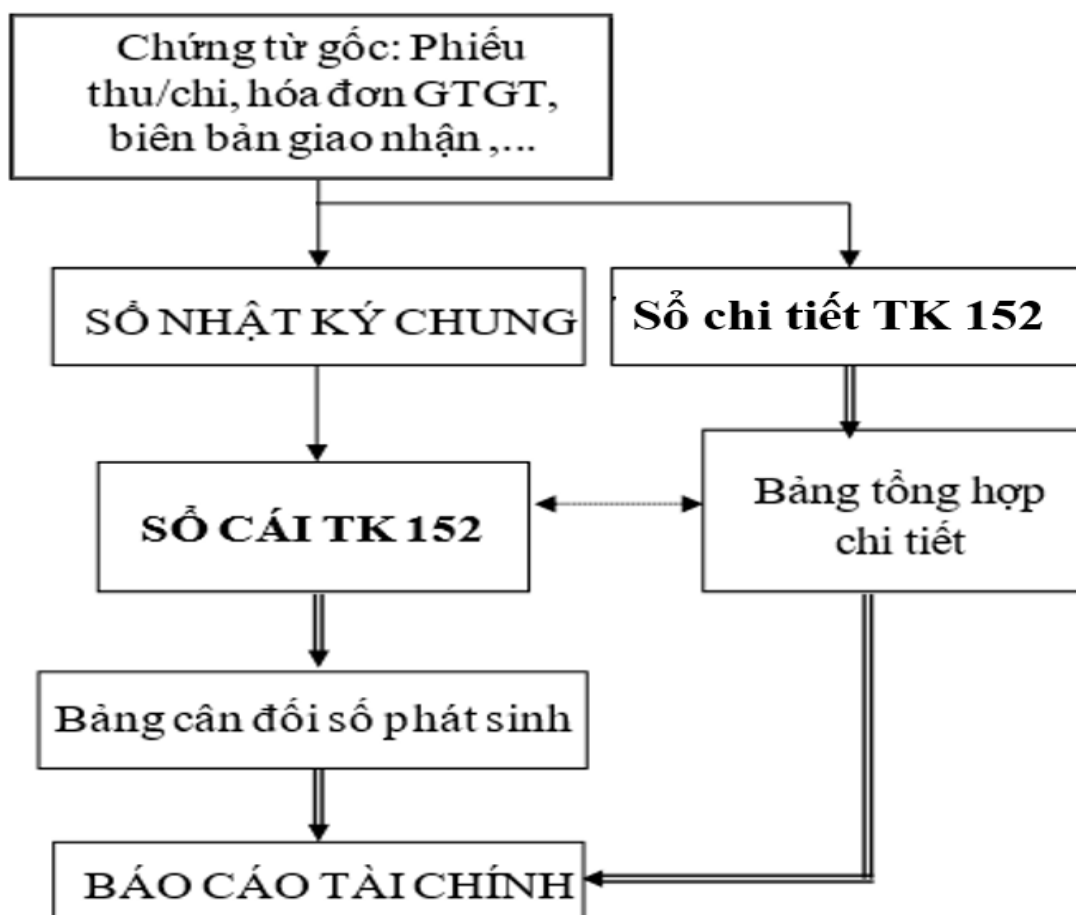
lý dòng tiền hiệu quả. Bên cạnh đó, thủ quỹ phối hợp với bộ phận kế toán trong hạch toán tiền lương cho cán bộ công nhân viên, bao gồm tiếp nhận bảng chấm công, kiểm tra chứng từ, lập phiếu chi và thực hiện thanh toán đúng hạn, bảo đảm số liệu chính xác và khớp với sổ quỹ tiền mặt.

b. Chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

- Hiện nay Công ty đang áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 1/1 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
- Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp này theo dõi cụ thể sự biến động của từng loại hàng tồn kho thông qua quá trình nhập xuất kho.
- Công ty sử dụng thống nhất một đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam để phục vụ cho việc ghi chép. Trường hợp phát sinh các giao dịch liên quan đến ngoại tệ thì sẽ quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam để ghi chép kế toán.
- Giá NVL nhập kho là giá ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế GTGT, chi phí vận chuyển, bốc dỡ đã trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán,.. Giá xuất NVL đang được áp dụng tại Công ty là giá tính phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.

c. Tổ chức vận dụng hình thức kế toán

Hiện nay Công ty đang áp dụng hình thức kế toán theo hình thức: Nhật ký chung không sử dụng nhật ký đặc biệt.



Sơ đồ 2. 3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: $\longrightarrow$ Ghi cuối kỳ: $\Longrightarrow$ Quan hệ đối chiếu: $\longleftrightarrow$

2.2. Thực trạng về công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần PMP Vina

2.2.1. Đặc điểm và phân loại nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần PMP Vina

a. Đặc điểm nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần PMP Vina chủ yếu là các loại thép và hợp kim dùng cho hoạt động gia công cơ khí chính xác. Đặc điểm nổi bật của nhóm vật tư này là đa dạng về chủng loại, quy cách, kích thước và tiêu chuẩn kỹ thuật. Mỗi loại thép lại có các đặc tính riêng về độ cứng, độ bền, khả năng chịu mài mòn, chịu nhiệt và khả năng xử lý bề mặt, do đó đòi hỏi doanh nghiệp phải lựa chọn nguyên vật liệu phù hợp với từng yêu cầu gia công và từng sản phẩm cụ thể. Chẳng hạn như thép SKD11, SKD61, C45 hoặc các loại thép tấm, thép tròn...

đều giữ vai trò quan trọng trong việc đảm bảo độ chính xác và chất lượng của sản phẩm sau gia công.

Do đặc tính kỹ thuật cao, nguyên vật liệu của Công ty đòi hỏi quá trình vận chuyển, bốc dỡ và bảo quản phải hết sức cẩn trọng. Nếu điều kiện bảo quản không tốt, thép có thể bị gỉ sét hoặc biến đổi cơ lý, ảnh hưởng đến độ chính xác khi gia công và làm tăng tỷ lệ sản phẩm hỏng. Ngoài ra, hầu hết nguyên vật liệu của Công ty có giá trị lớn, chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng chi phí sản xuất, nên mọi biến động về số lượng – chất lượng đều tác động trực tiếp đến hiệu quả sử dụng vật tư và chi phí sản xuất – kinh doanh của doanh nghiệp.

Đặc điểm nguyên vật liệu trong lĩnh vực cơ khí còn thể hiện ở việc mỗi đơn hàng lại yêu cầu những chủng loại thép khác nhau, kích thước và số lượng khác nhau tùy theo thiết kế kỹ thuật. Điều này làm cho việc quản lý, dự trữ và lập kế hoạch mua sắm nguyên vật liệu phải được thực hiện một cách chặt chẽ, đảm bảo đủ vật tư phục vụ sản xuất nhưng vẫn tránh tình trạng tồn kho lớn gây ứ đọng vốn. Thêm vào đó, quá trình gia công cơ khí đòi hỏi độ chính xác cao, nên nguyên vật liệu phải đạt đúng tiêu chuẩn kỹ thuật đã thỏa thuận với nhà cung cấp, tránh phát sinh sai số trong quá trình cắt, phay, tiện hoặc mài.

Với đặc thù giá trị lớn và yêu cầu kỹ thuật cao, nguyên vật liệu của Công ty Cổ phần PMP Vina chiếm tỷ trọng đáng kể trong chi phí sản xuất và tác động mạnh đến giá thành sản phẩm. Do đó, công tác quản lý nguyên vật liệu, từ khâu lựa chọn nhà cung cấp, kiểm tra chất lượng đầu vào đến theo dõi nhập – xuất – tồn, có vai trò đặc biệt quan trọng. Việc sử dụng tiết kiệm và hợp lý không chỉ góp phần giảm chi phí mà còn nâng cao năng lực cạnh tranh, đảm bảo tiến độ sản xuất và chất lượng sản phẩm cuối cùng.

b. Phân loại nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu trong Công ty bao gồm nhiều chủng loại khác nhau, khác nhau về công dụng, đặc tính kỹ thuật, quy cách, phẩm cấp và chất lượng. Với đặc thù là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cơ khí – gia công kim loại, nguyên vật liệu thường xuyên biến động theo từng đơn đặt hàng và theo yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm. Do đó, để phục vụ tốt cho công tác quản lý và hạch toán chi phí, Công ty cần thiết phải tiến hành phân loại nguyên vật liệu theo vai trò và công dụng của chúng trong quá trình sản xuất.

Căn cứ vào mục đích sử dụng của từng loại vật tư, toàn bộ nguyên vật liệu của Công ty được chia thành các nhóm chủ yếu sau:

Nguyên vật liệu chính: Là các loại vật tư chủ yếu tham gia trực tiếp vào quá trình gia công và cấu thành nên sản phẩm cuối cùng. Đây là nhóm vật tư quyết định đến chất lượng và độ chính xác kỹ thuật của sản phẩm cơ khí. Đối với PMP Vina, nguyên vật liệu chính chủ yếu gồm các loại thép và hợp kim như thép SKD11, SKD61, C45, S45C, các loại thép tròn, thép tấm... Những vật tư này phải đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật nghiêm ngặt và được bảo quản chặt chẽ nhằm đảm bảo độ bền, độ cứng và tính ổn định trong quá trình gia công.

Nguyên vật liệu phụ: Là các loại vật tư không cấu thành nên sản phẩm hoàn chỉnh nhưng giữ vai trò hỗ trợ trong quá trình sản xuất như dầu cắt gọt, dầu làm mát, hóa chất xử lý bề mặt, giấy nhám, đá mài, bulông, ốc vít... Mặc dù không phải là thành phần chính nhưng nguyên vật liệu phụ góp phần cải thiện chất lượng gia công, bảo đảm máy móc vận hành ổn định và hỗ trợ các bước kỹ thuật bổ trợ.

Nhiên liệu: Là các loại vật tư cung cấp năng lượng hoặc tạo nhiệt lượng phục vụ quá trình vận hành máy móc và thiết bị sản xuất của Công ty. Bao gồm dầu máy, dầu thủy lực, gas hoặc điện năng. Tuy không trực tiếp hình thành nên sản phẩm nhưng nhiên liệu có ảnh hưởng lớn đến chi phí sản xuất và tiến độ gia công.

Vật liệu khác: Là những loại vật tư sử dụng cho mục đích hỗ trợ sản xuất hoặc phục vụ quản lý, có giá trị nhỏ và không sử dụng thường xuyên như giẻ lau, gang tay bảo hộ, giấy, mực in, vật tư bao bì,... Các vật tư này không tham gia trực tiếp vào quá trình gia công nhưng đảm bảo điều kiện lao động và hỗ trợ quá trình quản lý sản xuất.

2.2.2. Phương pháp tính giá nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần PMP Vina

a. Phương pháp tính giá nguyên vật liệu nhập kho

Đối với nguyên vật liệu mua ngoài nhập kho:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thực} & = & \text{Giá mua ghi} & + & \text{Chi phí} & - & \text{Các khoản giảm} \\ \text{tế NVL} & & \text{trên hóa đơn} & & \text{thu mua} & & \text{trừ (nếu có)} \\ \text{nhập kho} & & \text{của người} & & \text{thực tế} & & \\ & & \text{bán} & & & & \end{array}$$

Trong đó:

+ Giá mua ghi trên hóa đơn của nhà cung cấp: Là giá chưa bao gồm thuế GTGT được khấu trừ.

+ Chi phí thu mua thực tế: Là toàn bộ chi phí liên quan đến quá trình mua và vận chuyển vật tư về Công ty như chi phí vận chuyển, bốc dỡ, bảo hiểm hàng hóa... Những khoản chi phí này được cộng vào giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho.

+ Các khoản giảm trừ: Bao gồm chiết khấu thương mại được hưởng hoặc giảm giá hàng mua nếu vật tư không đạt theo thỏa thuận.

b. Phương pháp tính giá nguyên vật liệu xuất kho

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ để tính giá nguyên vật liệu xuất kho. Nguyên vật liệu xuất kho được tính như sau:

$$\text{Đơn giá bình quân} = \frac{\text{Giá thực tế NVL tồn đầu kỳ} + \text{Giá thực tế NVL nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng NVL xuất kho} + \text{Số lượng NVL nhập trong kỳ}}$$

$$\text{Giá thực tế NVL xuất kho} = \text{Số lượng NVL xuất kho} \times \text{Đơn giá bình quân}$$

2.2.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần PMP Vina

a. Chứng từ sử dụng và quy trình luân chuyển chứng từ

- Các chứng từ sử dụng để hạch toán tăng, giảm nguyên vật liệu tại Công ty bao gồm:

+ Hóa đơn thuế GTGT

+ Biên bản kiểm nghiệm vật tư

+ Phiếu nhập kho

+ Phiếu xuất kho

+ Thẻ kho và các chứng từ liên quan

*** Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu:**

Khi nguyên vật liệu được nhà cung cấp vận chuyển đến kho hoặc giao thẳng tại xưởng của Công ty Cổ phần PMP Vina, bộ phận kỹ thuật và thủ kho phối hợp

kiểm tra ban đầu dựa trên hóa đơn GTGT, phiếu giao hàng hoặc hợp đồng mua bán. Việc kiểm nghiệm nhằm xác định vật tư có đúng chủng loại, số lượng và chất lượng theo thỏa thuận hay không. Trong trường hợp vật tư không đạt yêu cầu, bộ phận kiểm nghiệm báo cáo ngay cho Ban Giám đốc để xử lý với nhà cung cấp. Nếu vật tư đạt yêu cầu, bộ phận kiểm nghiệm lập Biên bản kiểm nghiệm và ký xác nhận. Biên bản được lập thành hai liên: một liên lưu tại kho và một liên chuyển cho phòng kế toán để làm căn cứ hạch toán.

Sau khi tiếp nhận Biên bản kiểm nghiệm và các chứng từ liên quan, kế toán vật tư lập Phiếu nhập kho để ghi nhận số lượng và giá trị nguyên vật liệu nhập về. Phiếu nhập kho được lập thành ba liên: một liên lưu tại phòng kế toán để ghi sổ, một liên giao cho thủ kho để cập nhật thẻ kho và một liên giao lại cho người nhận hàng hoặc bộ phận sử dụng để đối chiếu khi cần thiết. Việc lập phiếu được thực hiện ngay sau khi vật tư được kiểm nghiệm nhằm đảm bảo số liệu nhập kho được cập nhật kịp thời và chính xác.

Căn cứ vào Phiếu nhập kho đã được duyệt, thủ kho tiến hành nhập vật tư vào kho theo đúng quy cách và số lượng. Thủ kho ghi đầy đủ thông tin vào thẻ kho, ký xác nhận trên phiếu nhập và thực hiện sắp xếp, bảo quản vật tư theo đúng yêu cầu kỹ thuật. Các chứng từ sau khi hoàn tất được chuyển về phòng kế toán để lưu trữ phục vụ cho công tác đối chiếu, kiểm kê và hạch toán cuối kỳ. Quy trình này giúp đảm bảo tính minh bạch, chính xác và kiểm soát chặt chẽ đối với toàn bộ nghiệp vụ nhập nguyên vật liệu của Công ty.

Ví dụ 1: Ngày 13/12/2024, Công ty Cổ phần PMP Vina mua thép SKD11 kích thước 16x225x245 từ Công ty TNHH Thép Đặc Biệt TGHP theo hóa đơn GTGT số 1657. Số lượng hàng hóa theo hóa đơn là 7,3 kg, đơn giá 113.000 đồng/kg, thành tiền 824.900 đồng (chưa VAT 10%), đã thanh toán cho người bán bằng tiền mặt.

Biểu 2. 1: Phiếu đề xuất mua vật tư**Đơn vị:** Công ty Cổ phần PMP Vina**Địa chỉ:** Số 85, đường 5 mới, Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng

PHIẾU ĐỀ XUẤT MUA VẬT TƯ						
Người đề nghị: Lê Việt Hùng – Bộ phận sản xuất			Thời gian cần hàng: 14/12/2024			
STT	Hàng Hóa	Kích Thước (mm)	SL	Tên Chi Tiết	Ghi chú	Chú ý
1	Thép SKD11	16x225x245	7.3 kg		Xưởng dùng	

*Ngày 11 tháng 12 năm 2024***Giám đốc**
(Ký, họ tên)**Trưởng nhóm sản xuất**
(Ký, họ tên)**Người đề nghị**
(Ký, họ tên)

- Quy trình lập và luân chuyển phiếu nhập kho của ví dụ 1

Khi vật tư được nhà cung cấp vận chuyển đến kho của Công ty Cổ phần PMP Vina, bộ phận kỹ thuật và thủ kho căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho kiêm giao hàng và biên bản giao nhận của nhà cung cấp để tiến hành kiểm tra số lượng, quy cách và chất lượng vật tư. Do Công ty không sử dụng mẫu “Biên bản kiểm nghiệm vật tư” riêng theo mẫu 03-VT, nên biên bản giao nhận hàng của nhà cung cấp được sử dụng như chứng từ thay thế, làm căn cứ đối chiếu và xác nhận vật tư đã giao đúng theo hợp đồng.

Sau khi kiểm tra, nếu vật tư đúng chủng loại và chất lượng theo thỏa thuận, thủ kho và người nhận hàng ký xác nhận vào biên bản giao nhận. Chứng từ này cùng với hóa đơn GTGT được chuyển về phòng kế toán để lập Phiếu nhập kho và ghi nhận số lượng vật tư nhập trong ngày.

Biểu 2. 3: Biên bản giao hàng kèm giấy nhận nợ số 686

CÔNG TY TNHH THÉP ĐẶC BIỆT TGHP

Số 4, ngõ 11 Đường Tây hồ, P. Quảng An, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại:

BIÊN BẢN GIAO HÀNG KÈM GIẤY NHẬN NỢ

Ngày **13** tháng **12** năm **2024** Số CT: **686**

Người mua hàng: **Công ty Cổ phần PMP Vina**

Địa chỉ: **Số 85, đường 5 mới, Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng**

Nhân viên: **Quản trị bán hàng**

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất của HH, VT	Số cây lẻ	Tổng số cây	Trọng lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B			1	2	3= 2x1
1	Thép SKD11 (DuMAC 11): 16x225x245			7,3	113.000	824.900
	Tổng cộng			7,3		824.900

Cộng tiền hàng **824.900 VNĐ**

Tiền thuế GTGT 10% **82.490 VNĐ**

Tổng cộng tiền thanh toán **907.390 VNĐ**

Tiền vận chuyển VNĐ

Tiền nợ cũ VNĐ

Tổng số tiền phải thanh toán **907.390 VNĐ**

Số tiền (bằng chữ) **Chín trăm linh bảy nghìn ba trăm chín mươi đồng**

Số tiền đã trả VNĐ

Số tiền còn nợ lại **907.390 VNĐ**

Đề nghị khách hàng kiểm tra chất lượng hàng trước khi nhận, nếu không đạt yêu cầu phải phản hồi trong vòng 24h, ngoài ra Công ty không chịu trách nhiệm.

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Số vật tư sau khi được bộ phận kỹ thuật và thủ kho kiểm tra thực tế sẽ được thực hiện thủ tục nhập kho dựa trên hóa đơn GTGT, hợp đồng kinh tế và biên bản giao nhận hàng của nhà cung cấp. Các chứng từ này được sử dụng thay cho biên bản kiểm nghiệm vật tư, vì Công ty không lập mẫu kiểm nghiệm riêng. Căn cứ vào những chứng từ trên, kế toán vật tư tiến hành lập Phiếu nhập kho.

Sau khi lập phiếu, người lập phiếu ký xác nhận và chuyển phiếu cho người giao vật tư mang xuống kho để bàn giao cho thủ kho. Thủ kho đối chiếu chứng từ, tiến hành nhập vật tư và ghi rõ số lượng thực nhập, ngày tháng nhập kho vào Phiếu nhập kho. Sau đó, thủ kho và người giao hàng cùng ký xác nhận để hoàn tất thủ tục. Phiếu nhập kho được lập thành ba liên:

Liên 1: Lưu tại phòng kế toán làm căn cứ ghi sổ.

Liên 2: Giao cho thủ kho để ghi thẻ kho và theo dõi biến động vật tư.

Liên 3: Giao cho người giao hàng để đối chiếu khi cần.

Căn cứ vào hóa đơn số 1657, kế toán tiến hành lập phiếu nhập kho.

Biểu 2. 4: Phiếu nhập kho số NK232602

CÔNG TY CỔ PHẦN PMP VINA
Số 85, đường 5 mới, Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải
Phòng

Mẫu số: 01 – VT
*(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014
của Bộ Tài chính)*

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 13 tháng 12 năm 2024
Số NK232602

Nợ: 152
Có: 1111

- Họ và tên người giao: CÔNG TY TNHH THÉP ĐẶC BIỆT TGHP
- Theo hóa đơn số 1657 ngày 13 tháng 12 năm 2024 của CÔNG TY TNHH THÉP ĐẶC BIỆT TGHP
- Nhập tại kho: Vật liệu

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách sản phẩm vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành Tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thép SKD11 16x225x245	SKD11	Kg	7,3	7,3	113.000	824.900
	Cộng						824.900

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): **Tám trăm hai bốn nghìn chín trăm đồng**

Ngày 13 tháng 12 năm 2024

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người giao hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ví dụ 2: Ngày 13/12/2024, Công ty Cổ phần PMP Vina mua các loại vật tư từ Công ty TNHH T.Danhtech theo hóa đơn GTGT số 00000342. Các mặt hàng gồm: Nhôm thanh 15x25: 3 cây, đơn giá 175.000 đồng/cây. Khớp nối HJ1: 120 bộ, đơn giá 6.300 đồng/bộ. Khớp nối HJ2: 75 bộ, đơn giá 9.300 đồng/bộ. Khớp nối HJ7: 60 bộ, đơn giá 13.000 đồng/bộ. Cộng tiền hàng là 2.758.500 đồng, thuế GTGT 10%, tổng cộng giá thanh toán 3.034.350 đồng, đã thanh toán cho người bán bằng tiền mặt.

Trên cơ sở chứng từ này, quy trình luân chuyển và ghi nhận chứng từ nhập kho được thực hiện theo trình tự sau đây:

Biểu 2. 5: Phiếu đề xuất mua vật tư

Đơn vị: Công ty Cổ phần PMP Vina

Địa chỉ: Số 85, đường 5 mới, Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng

PHIẾU ĐỀ XUẤT MUA VẬT TƯ						
Người đề nghị: Đặng Thành Nam - Bộ phận sản xuất			Thời gian cần hàng: 11/12/2024			
STT	Hàng Hóa	Kích Thước (mm)	SL	Tên Chi Tiết	Ghi chú	Chú ý
1	Nhôm thanh 15x25		3 cây		Xưởng dùng	
2	Khớp nối HJ1		120 bộ		Xưởng dùng	
3	Khớp nối HJ2		75 bộ		Xưởng dùng	
4	Khớp nối HJ7		60 bộ		Xưởng dùng	

Ngày 11 tháng 12 năm 2024

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Trưởng nhóm sản xuất
(Ký, họ tên)

Người đề nghị
(Ký, họ tên)

Biểu 2. 6: Hóa đơn GTGT số 00000342

	HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Ngày 13 tháng 12 năm 2024 Mã CQT: 0049267F3F35D247B7B4594C33C4F7DE3B	Ký hiệu: 1C24THT Số: 00000342			
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH T.DANHTECH Mã số thuế: 0110352438 Địa chỉ: Km19 QL32, thôn Thượng Thụy, Xã Đức Thượng, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Số tài khoản: 6188868886 - Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Đan Phượng					
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN PMP VINA Mã số thuế: 0202042690 Địa chỉ: Thôn Thái Lai (tại nhà ông Trịnh Thế Trường), Xã Cao Nhân, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam Hình thức thanh toán: TM/CKSố tài khoản:					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Nhôm thanh 15x25	Cây	3,00	175.000	525.000
2	Khớp nối HJ1	Bộ	120,00	6.300	756.000
3	Khớp nối HJ2	Bộ	75,00	9.300	697.500
4	Khớp nối HJ7	Bộ	60,00	13.000	780.000
Cộng tiền hàng:					2.758.500
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					275.850
Tổng tiền thanh toán:					3.034.350
Số tiền viết bằng chữ: Ba triệu không trăm ba mươi bốn nghìn ba trăm năm mươi đồng chẵn.					
Người mua hàng (Chữ ký số (nếu có))			Người bán hàng (Chữ ký điện tử, chữ ký số)		
			Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY TNHH T.DANHTECH Ký ngày: 13/12/2024		
Tra cứu tại Website: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu: 9PCNF3APZWKD (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150					

Biểu 2. 7: Biên bản giao hàng**CÔNG TY TNHH T.DANHTECH****BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG****Km19 QL32, thôn Thượng Thụy, Xã Đức****13/12/2024****Thượng, Huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội**

Tên khách: Công ty CP PMP VINA – 0818.982.356 Số BB: BH52420-25

Điện thoại: 0818.982.356 (Ms Linh)

Số DH: DH53584-25

Địa chỉ: Số 85, đường 5 mới, Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng Người lập DH: Nguyễn Thị Hoa

STT	Tên hàng	Kho	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Nhôm thanh 15x25	KTH	Cây	3	175.000	525.000
2	Khớp nối HJ1	KTH	Bộ	120	6.300	756.000
3	Khớp nối HJ2	KTH	Bộ	75	9.300	697.500
4	Khớp nối HJ7	KTH	Bộ	60	13.000	780.000
	Tổng cộng					2.758.500
	Tiền thuế GTGT 10%					275.850
	Tổng tiền thanh toán					3.034.350
	Nợ cũ					
	Tổng cộng tiền thanh toán	3.034.350				

Đề nghị quý khách hàng:

1. Kiểm tra lại ngay lượng hàng và nợ cũ so với hóa đơn, mọi thắc mắc xin liên hệ với chúng tôi theo địa chỉ trên. Quá ngày sau khi giao nhận Công ty không chịu trách nhiệm.
2. Khách hàng thanh toán tiền hàng bằng hình thức tiền mặt xin vui lòng ghi rõ số tiền hàng bằng số và bằng chữ vào chỗ người nhận hàng. Ký ghi rõ họ và tên người nhận hàng.

Bằng chữ: Ba triệu không trăm ba tư nghìn ba trăm năm mươi đồng.**Người nhận hàng**
(Ký, họ tên)**Người giao hàng**
(Ký, họ tên)**Kiểm soát**
(Ký, họ tên)**Người lập phiếu**
(Ký, họ tên)

Biểu 2. 8: Phiếu nhập kho số NK232595

CÔNG TY CỔ PHẦN PMP VINA

Số 85, đường 5 mới, Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải

Phòng

Mẫu số: 01 – VT

(Ban hành theo Thông tư số

200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014

của Bộ Tài chính)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 13 tháng 12 năm 2024

Nợ: 152

Số NK232595

Có: 1111

- Họ và tên người giao: CÔNG TY TNHH T.DANHTECH
- Theo hóa đơn số 00000342 ngày 13 tháng 12 năm 2024 của Công ty TNHH T.Danhtech
- Nhập tại kho: Vật liệu

STT	Tên nhân hiệu, quy cách sản phẩm vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành Tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Nhôm thanh 15x25	NHOM15X25	Cây	3	3	175.000	525.000
2	Khớp nối HJ1	KHOPNOI1	Bộ	120	120	6.300	756.000
3	Khớp nối HJ2	KHOPNOI2	Bộ	75	75	9.300	697.500
4	Khớp nối HJ7	KHOPNOI7	Bộ	60	60	13.000	780.000
	Cộng						2.758.500

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): **Hai triệu bảy trăm năm tám nghìn năm trăm đồng.**

Ngày 13 tháng 12 năm 2024

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Người giao hàng

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

*** Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu:**

Căn cứ vào phiếu xuất kho, thủ kho ghi số lượng thực tế xuất kho vào cột thực xuất và vào vào thẻ kho về mặt số lượng, sau đó chuyển phiếu xuất kho lên Phòng Kế toán. Kế toán nguyên vật liệu sẽ căn cứ vào phiếu xuất kho để vào sổ chi tiết vật tư và các sổ liên quan.

Hàng ngày hoặc định kỳ 3 – 5 ngày một lần, sau khi ghi thẻ kho xong thủ kho chuyển toàn bộ chứng từ nhập, xuất kho về Phòng Kế toán. Cuối tháng, thủ kho tiến hành cộng số nhập, số xuất để tính ra số tồn kho của từng danh điểm vật liệu.

Phiếu xuất kho được lập thành hai liên: một liên lưu tại cuống, một liên gửi Phòng Kế toán. Phòng Kế toán lưu phiếu xuất kho làm căn cứ ghi sổ chi tiết nguyên vật liệu.

*** Xuất kho nguyên vật liệu cho sản xuất**

Công ty là một doanh nghiệp sản xuất nên NVL xuất kho trong đơn vị được sử dụng với mục đích sản xuất sản phẩm. Do vậy khi NVL nhập vào kho, Công ty thường xuất kho phục vụ trực tiếp cho sản xuất mà không để dự trữ nhiều hoặc quá lâu, vì vậy đòi hỏi công tác hạch toán kế toán chi tiết cụ thể từng loại, từng thứ bảo đảm cho quá trình được thường xuyên liên tục.

Căn cứ vào tình hình thực tế tại phân xưởng sản xuất, tổ trưởng sản xuất kiểm tra vật tư nguyên vật liệu của bộ phận mình nếu bị thiếu có trách nhiệm báo cáo ngay cho quản đốc phân xưởng. Căn cứ vào nhu cầu thực tế của từng bộ phận sản xuất lập phiếu xin lĩnh vật tư được Phòng Kế hoạch phê duyệt.

Ví dụ 3: Ngày 16/12/2024, Bộ phận sản xuất phát sinh nhu cầu sử dụng 7.3kg thép SKD11 phục vụ cho sản xuất đơn hàng PM1867: Bàn gia cố khung sắt 900*750*750.

Nhân viên bộ phận sản xuất đề nghị xuất vật tư theo mẫu sau:

Biểu 2. 9: Phiếu đề nghị xuất vật tư**Đơn vị:** Công ty Cổ phần PMP Vina**Địa chỉ:** Số 85, đường 5 mới, Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng

PHIẾU ĐỀ NGHỊ XUẤT VẬT TƯ						
<i>Người đề nghị: Lê Việt Hùng - Bộ phận sản xuất</i>						
STT	Hàng Hóa	Kích Thước (mm)	SL	Tên Chi Tiết	Ghi chú	Chú ý
1	Thép SKD11	16x225x245	7.3kg		Xưởng dùng	

*Ngày 16 tháng 12 năm 2024***Giám đốc**
*(Ký, họ tên)***Trưởng nhóm sản xuất**
*(Ký, họ tên)***Người đề nghị**
*(Ký, họ tên)**Trị giá xuất kho NVL ngày 16 tháng 12 năm 2024:*

Thép SKD11 không có tồn kho và chỉ nhập 1 lần trong kỳ nên đơn giá xuất kho bằng đơn giá nhập trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ để tính giá xuất kho, do đó tại thời điểm lập Phiếu xuất kho trong kỳ, chứng từ chỉ phản ánh số lượng xuất, còn đơn giá và giá trị xuất kho được kế toán xác định vào cuối kỳ.

Biểu 2. 10: Phiếu xuất kho số XK05556

CÔNG TY CỔ PHẦN PMP VINA

Số 85, đường 5 mới, Hùng Vương, Hồng Bàng,
Hải Phòng

Mẫu số: 02 – VT

*(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 16 tháng 12 năm 2024

Số XK05556

Nợ: 621

Có: 152

- Họ tên người nhận hàng:
- Địa chỉ (bộ phận):
- Lý do xuất kho: Xuất kho NVL sản xuất theo Lệnh sản xuất <SX211221>
- Xuất tại kho (ngăn lô): Vật liệu

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách sản phẩm vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành Tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thép SKD11 16x225x245	SKD11	Kg	7,3	7,3	113.000	824.900
	Cộng						

Ngày 16 tháng 12 năm 2024

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Người nhận hàng

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ví dụ 4: Ngày 22/12/2024, Bộ phận sản xuất phát sinh nhu cầu sử dụng các mã vật liệu 85 bộ khớp nối HJ1, 60 bộ khớp nối HJ2, 40 bộ khớp nối HJ7 phục vụ cho sản xuất đơn hàng PM2274.

Biểu 2. 11: Phiếu đề nghị xuất vật tư

Đơn vị: Công ty Cổ phần PMP Vina

Địa chỉ: Số 85, đường 5 mới, Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng

PHIẾU ĐỀ NGHỊ XUẤT VẬT TƯ						
Người đề nghị: Đặng Thành Nam - Bộ phận sản xuất						
STT	Hàng Hóa	Kích Thước (mm)	SL	Tên Chi Tiết	Ghi chú	Chú ý
2	Khớp nối HJ1		85 bộ		Xưởng dùng	
3	Khớp nối HJ2		60 bộ		Xưởng dùng	
4	Khớp nối HJ7		40 bộ		Xưởng dùng	

Ngày 22 tháng 12 năm 2024

Người đề nghị

(Ký, họ tên)

Trị giá xuất kho NVL ngày 22 tháng 12 năm 2024:

Đơn giá bình quân Khớp nối HJ1:

$$\frac{305.000 + 120 \times 6.300}{50 + 120} = 6.241 \text{ đồng/bộ}$$

Giá vật liệu xuất kho của 85 bộ Khớp nối HJ1 = $85 \times 6.241 = 530.485$

Đơn giá bình quân Khớp nối HJ2:

$$\frac{45.000 + 75 \times 9.300}{5 + 75} = 9.281 \text{ đồng/bộ}$$

Giá vật liệu xuất kho của 60 bộ Khớp nối HJ2 = $60 \times 9.281 = 556.860$

Đơn giá bình quân Khớp nối HJ7:

$$\frac{125.000 + 60 \times 13.000}{10 + 60} = 12.929 \text{ đồng/bộ}$$

Giá vật liệu xuất kho của 40 bộ Khớp nối HJ7 = $40 \times 12.929 = 517.160$

Biểu 2. 12: Phiếu xuất kho số XK05584

CÔNG TY CỔ PHẦN PMP VINA

Số 85, đường 5 mới, Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số: 02 – VT

(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014
của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 22 tháng 12 năm 2024

Số XK05584

Nợ: 621

Có: 152

- Họ tên người nhận hàng:
- Địa chỉ (bộ phận):
- Lý do xuất kho: Xuất kho NVL sản xuất theo Lệnh sản xuất <SX145454>
- Xuất tại kho (ngăn lô): Vật liệu

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách sản phẩm vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành Tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Khớp nối HJ1	KHOPNOI1	Bộ	85	85	6.241	530.485
2	Khớp nối HJ2	KHOPNOI2	Bộ	60	60	9.281	556.860
3	Khớp nối HJ7	KHOPNOI7	Bộ	40	40	12.929	517.160
	Cộng						

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ):

Ngày 22 tháng 12 năm 2024

**Người lập
phiếu**

(Ký, họ tên)

**Người nhận
hàng**

(Ký, họ tên)

**Thủ
kho**

(Ký, họ
tên)

**Kế toán
trưởng**

(Ký, họ tên)

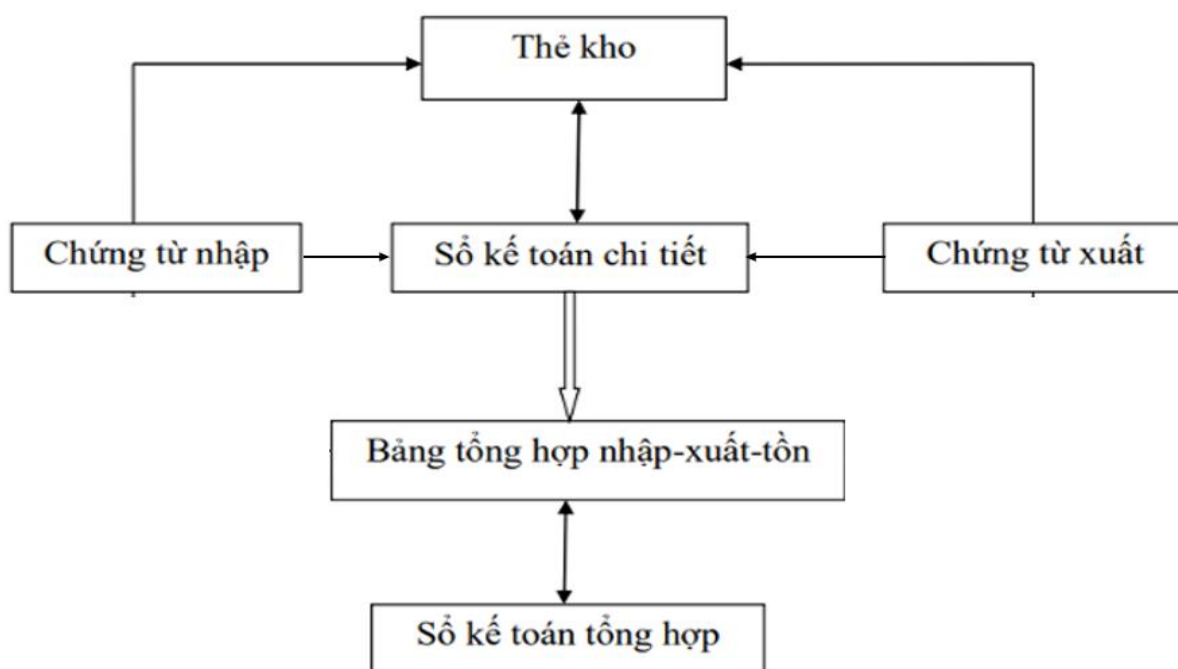
Giám đốc

(Ký, họ tên,
đóng dấu)

b. Phương pháp hạch toán chi tiết

Để đảm bảo theo dõi được tình hình biến động của từng loại NVL, Doanh nghiệp đã áp dụng phương pháp hạch toán chi tiết NVL theo phương pháp thẻ song song.

Trình tự hạch toán chi tiết NVL theo phương pháp thẻ song song được khái quát theo sơ đồ sau



Ghi chú:

Ghi hàng ngày hoặc định kỳ: $\longrightarrow$

Đối chiếu, kiểm tra: $\longleftrightarrow$

Ghi cuối kỳ: $\Longrightarrow$

Sơ đồ 2. 4: Sơ đồ kế toán chi tiết nguyên vật liệu

Tại kho: Thủ kho theo dõi số lượng nhập xuất trên thẻ kho đồng thời nắm vững ở bất kỳ thời điểm nào trong kho về số lượng, chất lượng, chủng loại, từng thứ, loại nguyên vật liệu sẵn sàng xuất kho khi có yêu cầu. Hàng ngày căn cứ vào chứng từ nhập, xuất phát sinh thủ kho tiến hành phân loại, sắp xếp cho từng thứ, từng loại nguyên vật liệu để ghi chép tình hình nhập – xuất – tồn của từng loại nguyên vật liệu vào sổ kho chi tiết từng loại theo số lượng. Cuối ngày hoặc sau

mỗi lần nhập, xuất kho thủ kho phải tính toán và đối chiếu số lượng nguyên vật liệu tồn kho thực tế so với số liệu trên thẻ kho.

Tại Phòng Kế toán: Kế toán mở sổ hoặc thẻ chi tiết cho từng loại nguyên vật liệu tương ứng với thẻ kho mở ở kho đó.

Hàng ngày khi nhận được chứng từ nhập kho nguyên vật liệu do thủ kho nộp, kế toán kiểm tra ghi đơn giá, tính thành tiền và phân loại chứng từ.

Đối với chứng từ xuất: Khi nhận được phiếu xuất, kế toán vào sổ chi tiết được thiết kế trên excel nguyên về số lượng để theo dõi tình hình nhập – xuất – tồn nguyên vật liệu về lượng.

Cuối kỳ, kế toán tính ra đơn giá bình quân, sau đó tính ra trị giá của nguyên vật liệu xuất kho trong kỳ. Sau đó kế toán cộng số liệu trên sổ chi tiết đối chiếu với thẻ kho của thủ kho về mặt số lượng. Căn cứ vào sổ chi tiết lập bảng nhập – xuất – tồn nguyên vật liệu. Căn cứ vào bảng nhập – xuất – tồn nguyên vật liệu, kế toán đối chiếu số liệu với sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái TK 152).

Tiếp ví dụ 1: Ngày 13/12/2024, Công ty Cổ phần PMP Vina mua thép SKD11 kích thước 16x225x245 từ Công ty TNHH Thép Đặc Biệt TGHP theo hóa đơn GTGT số 1657. Số lượng hàng hóa theo hóa đơn là 7,3 kg, đơn giá 113.000 đồng/kg, thành tiền 824.900 đồng (chưa VAT 10%), đã thanh toán cho người bán bằng tiền mặt.

Khi nhận được phiếu nhập kho bên Thủ kho ghi vào thẻ kho đồng thời kế toán chi tiết hàng tồn kho tiến hành ghi sổ chi tiết nguyên vật liệu tương ứng.

Cuối kỳ, căn cứ sổ chi tiết nguyên vật liệu, kế toán lập sổ tổng hợp nhập – xuất – tồn.

Tiếp ví dụ 2: Ngày 13/12/2024, Công ty Cổ phần PMP Vina mua các loại vật tư từ Công ty TNHH T.Danhtech theo hóa đơn GTGT số 00000342. Các mặt hàng gồm: Nhôm thanh 15x25: 3 cây, đơn giá 175.000 đồng/cây. Khớp nối HJ1: 120 bộ, đơn giá 6.300 đồng/bộ. Khớp nối HJ2: 75 bộ, đơn giá 9.300 đồng/bộ. Khớp nối HJ7: 60 bộ, đơn giá 13.000 đồng/bộ. Cộng tiền hàng là 2.758.500 đồng,

thuế GTGT 10%, tổng cộng giá thanh toán 3.034.350 đồng, đã thanh toán cho người bán bằng tiền mặt.

Thủ kho ghi vào thẻ kho đồng thời kế toán chi tiết hàng tồn kho tiến hành ghi sổ chi tiết nguyên vật liệu tương ứng.

Cuối kỳ, căn cứ sổ chi tiết nguyên vật liệu, kế toán lập sổ tổng hợp nhập – xuất – tồn.

Tiếp ví dụ 3: Ngày 16/12/2024, Bộ phận sản xuất phát sinh nhu cầu sử dụng 7.3kg thép SKD11 phục vụ cho sản xuất đơn hàng PM1867: Bàn gia cố khung sắt 900*750*750.

Ở kho: Thủ kho căn cứ vào phiếu xuất kho XK05556 để ghi vào thẻ kho.

Ở phòng kế toán: Căn cứ vào phiếu xuất kho XK05556, ngày 16/12/2024, kế toán chi tiết NVL vào sổ chi tiết NVL cho sản phẩm thép SKD11 được thiết kế trên excel, nguyên theo dõi về số lượng. Cuối tháng, kế toán tổng hợp trị giá nguyên vật liệu tồn đầu kỳ, nhập trong kỳ. Số lượng tồn đầu kỳ, nhập trong kỳ để tính ra đơn giá bình quân. Sau đó điền vào sổ chi tiết được thiết kế trên excel để tính ra trị giá xuất trong kỳ. Căn cứ vào sổ chi tiết TK 152 kế toán lập bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn.

Tiếp ví dụ 4: Ngày 22/12/2024, Bộ phận sản xuất phát sinh nhu cầu sử dụng các mã vật liệu 85 bộ khớp nối HJ1, 60 bộ khớp nối HJ2, 40 bộ khớp nối HJ7 phục vụ cho sản xuất đơn hàng PM2274.

Ở kho: Thủ kho ghi vào thẻ kho.

Ở phòng kế toán: Kế toán chi tiết NVL vào sổ chi tiết NVL cho các sản phẩm: khớp nối HJ1, khớp nối HJ2, khớp nối HJ7 được thiết kế trên excel, nguyên theo dõi về số lượng. Cuối tháng, kế toán tổng hợp trị giá nguyên vật liệu tồn đầu kỳ, nhập trong kỳ. Số lượng tồn đầu kỳ, nhập trong kỳ để tính ra đơn giá bình quân. Sau đó điền vào sổ chi tiết được thiết kế trên excel để tính ra trị giá xuất trong kỳ. Căn cứ vào sổ chi tiết TK 152 kế toán lập bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn.

Biểu 2. 13: Thẻ kho tờ số 28

Đơn vị: Công ty Cổ phần PMP Vina

Mẫu số S12-DN

Địa chỉ: Số 85, đường 5 mới, Hùng

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thẻ kho (Sổ kho)

Ngày lập thẻ: Tháng 12 năm 2024

Tờ số: 28

- Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư: Thép SKD11 16x225x45

- Đơn vị tính: Kg

- Mã số: SKD11

STT	Ngày, tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Ký, xác nhận của kế toán
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
A	B	C	D	E	F	1	2	3	G
	01/12			Số dư đầu tháng				-	
									
1	13/12	NK232602		Nhập kho	13/12	7,3		7,3	
3	16/12		XK 05556	Xuất kho SX211221	16/12		7,3	-	
									
	31/12			Cộng phát sinh		7,3	7,3		
	31/12			Số dư cuối tháng				-	

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2. 14: Thẻ kho tờ số 29

Đơn vị: Công ty Cổ phần PMP Vina

Mẫu số S12-DN

Địa chỉ: Số 85, đường 5 mới, Hùng

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thẻ kho (Sổ kho)

Ngày lập thẻ: Tháng 12 năm 2024

Tờ số: 29

- Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư: Khớp nối HJ1

- Đơn vị tính: Bộ

- Mã số: KHOPNOI1

STT	Ngày, tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Ký, xác nhận của kế toán
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
A	B	C	D	E	F	1	2	3	G
	01/12			Số dư đầu tháng				50	
	...								
2	13/12	NK232595		Nhập kho	13/12	120		170	
3	22/12		XK 05584	Xuất kho SX145454	22/12		85	85	
									
	31/12			Cộng phát sinh		150	105		
	31/12			Số dư cuối tháng				95	

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2. 15: Thẻ kho tờ số 29

Đơn vị: Công ty Cổ phần PMP Vina

Mẫu số S12-DN

Địa chỉ: Số 85, đường 5 mới, Hùng

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thẻ kho (Sổ kho)

Ngày lập thẻ: Tháng 12 năm 2024

Tờ số: 30

- Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư: Khớp nối HJ2

- Đơn vị tính: Bộ

- Mã số: KHOPNOI2

STT	Ngày, tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Ký, xác nhận của kế toán
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
A	B	C	D	E	F	1	2	3	G
	01/12			Số dư đầu tháng				5	
	...								
1	13/12	NK 232595		Nhập kho	14/12	75		80	
2	22/12		XK 05584	Xuất kho SX145454	22/12		60	20	
	...								
	31/12			Cộng phát sinh		95	82		
	31/12			Số dư cuối tháng				18	

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2. 16: Thẻ kho tờ số 29

Đơn vị: Công ty Cổ phần PMP Vina

Mẫu số S12-DN

Địa chỉ: Số 85, đường 5 mới, Hùng

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thẻ kho (Sổ kho)

Ngày lập thẻ: Tháng 12 năm 2024

Tờ số: 31

- Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư: Khớp nối HJ7

- Đơn vị tính: Bộ

- Mã số: KHOPNOI7

STT	Ngày, tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Ký, xác nhận của kế toán
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
A	B	C	D	E	F	1	2	3	G
	01/12			Số dư đầu tháng				10	
	...								
1	13/12	NK 232595		Nhập kho	14/12	60		70	
2	22/12		XK 05584	Xuất kho SX145454	22/12		40	30	
	...								
	31/12			Cộng phát sinh		84	70		
	31/12			Số dư cuối tháng				24	

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty Cổ phần PMP Vina

Số 85, đường 5 mới, Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S10-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU

Tháng 12 năm 2024

Tài khoản 152 – Nguyên vật liệu

Tên kho: Kho vật liệu

Tên, quy cách vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa: Thép SKD11 16x225x245

Mã số vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa: SKD11

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số hiệu	Ngày, tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3=1x2	4	5=1x4	6	7=1x6
		Số dư đầu tháng							-	-
NK232602	13/12	Mua của Công ty TNHH Thép Đặc Biệt TGHP	1111	113.000	7,3	824.900			7,3	824.900
XK09822	16/12	Xuất kho theo lệnh sản xuất SX211221	621	113.000			7,3	824.900		-
		Cộng phát sinh			7,3	824.900	7,3	824.900		
		Số dư cuối tháng								-

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: 01/12/2024

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Đã ký)

(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần PMP Vina)

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Đã ký)

Công ty Cổ phần PMP Vina

Số 85, đường 5 mới, Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S10-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU

Tháng 12 năm 2024

Tài khoản 152 – Nguyên vật liệu

Tên kho: Kho vật liệu

Tên, quy cách vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa: Khớp nối HJ1

Mã số vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa: KHOPNOI1

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số hiệu	Ngày, tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3=1x2	4	5=1x4	6	7=1x6
		Số dư đầu tháng		6.100					50	305.000
NK232595	13/12	Nhập từ Công ty TNHH T.DanhTech	1111	6.300	120	756.000			170	1.197.000
XK05584	22/12	Xuất kho theo lệnh sản xuất SX145454	621	6.241			85	530.485	85	530.485
					...					
		Cộng phát sinh			150	941.000	105	632.560		
		Số dư cuối tháng							95	613.440

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: 01/12/2024

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Đã ký)

(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần PMP Vina)

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Đã ký)

Công ty Cổ phần PMP Vina
Số 85, đường 5 mới, Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S10-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU

Tháng 12 năm 2024

Tài khoản 152 – Nguyên vật liệu

Tên kho: Kho vật liệu

Tên, quy cách vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa: Khớp nối HJ2

Mã số vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa: KHOPNOI2

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số hiệu	Ngày, tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3=1x2	4	5=1x4	6	7=1x6
		Số dư đầu tháng		9.000					5	45.000
			...		...		...			
NK232595	13/12	Nhập từ Công ty TNHH T.DanhTech	1111	9.300	75	697.500			80	744.000
XK05584	22/12	Xuất kho theo lệnh sản xuất SX145454	621	9.281			60	556.860	20	185.620
					...					
		Cộng phát sinh			95	883.500	82	740.000		
		Số dư cuối tháng							18	188.500

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ: 01/12/2024

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)
(Đã ký)

(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần PMP Vina)

Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)
(Đã ký)

Công ty Cổ phần PMP Vina
Số 85, đường 5 mới, Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S10-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU
Tháng 12 năm 2024
Tài khoản 152 – Nguyên vật liệu
Tên kho: Kho vật liệu
Tên, quy cách vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa: Khớp nối HJ7
Mã số vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa: KHOPNOI7

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số hiệu	Ngày, tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3=1x2	4	5=1x4	6	7=1x6
		Số dư đầu tháng		12.500					10	125.000
NK232595	13/12	Nhập từ Công ty TNHH T.DanhTech	1111	13.000	60	780.000			70	910.000
XK05584	22/12	Xuất kho theo lệnh sản xuất SX145454	621	12.929			40	517.160	30	387.870
					...					
		Cộng phát sinh			84	1.110.561	70	896.000		
		Số dư cuối tháng							24	339.561

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ: 01/12/2024

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)
(Đã ký)
(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần PMP Vina)

Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)
(Đã ký)

Biểu 2. 17: Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn vật liệu

CÔNG TY CỔ PHẦN PMP VINA

Số 85, đường 5 mới, Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP NHẬP – XUẤT – TỒN VẬT LIỆU

Tài khoản: 152 – Nguyên vật liệu

Tháng 12 năm 2024

Mã hàng	Tên hàng	ĐVT	Đầu kỳ		Nhập kho		Xuất kho		Cuối kỳ	
			Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
....										
AL15*25	Nhôm thanh 15x25	Cây			16,000	2.800.000			16,000	2.800.000
KHOPNOI1	Khớp nối HJ1	Bộ	50,000	305.000	150,000	941.000	105,000	632.560	95,000	613.440
KHOPNOI2	Khớp nối HJ2	Bộ	5,000	45.000	95,000	883.500	80,000	740.000	20,000	188.500
KHOPNOI7	Khớp nối HJ7	Bộ	10,000	125.000	84,000	1.110.561	70,000	896.000	24,000	339.561
BOBANHXE	Bộ bánh xe 100x32	Bộ	1,000	800.000			1,000	800.000		
CHOTPIN	Chốt đẩy pin inox	Cái	1,000	2.500					1,000	2.500
SKD11-16x225 x245	Thép SKD11 (DuMAC 11): 16x225 x245	kg			7.3	824.900	7.3	824.900		
VELT-PR0510P	Cảm biến VELT-PR0510P	Cái			16,000	6.400.000	4,000	1.600.000	12,000	4.800.000
DENBAOF22	Đèn báo F22 220V	Cái	3,000	36.000					3,000	36.000
....										
Tổng cộng			3.924,490	3.472.655.133	6.850,000	7.820.450.000	7.320,500	8.365.900.000	3.453,990	2.927.205.133

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)
(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần PMP Vina)

Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.4. Kế toán tổng hợp Nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần PMP Vina***a. Tài khoản sử dụng***

+ Tài khoản 152 – Nguyên liệu, vật liệu: Được dùng với nguyên vật liệu được mua về nhập kho, thông thường khi thu mua nguyên vật liệu, hóa đơn và nguyên vật liệu sẽ được nhận cùng lúc. Chi phí thu mua được hạch toán chung vào tài khoản 152.

+ Tài khoản 621 – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Được dùng với nguyên liệu không nhập kho mà xuất dùng thẳng vào sản xuất.

+ Tài khoản 627 – Chi phí sản xuất chung

+ Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

+ Tài khoản 111 – Tiền mặt

+ Tài khoản 112 – Tiền gửi ngân hàng

+ Tài khoản 141 – Tạm ứng

+ Tài khoản 331 – Phải trả cho người bán

b. Trình tự kế toán tổng hợp về NVL

Hàng ngày, căn cứ vào phiếu nhập, phiếu xuất kho kế toán phản ánh các nghiệp vụ vào sổ Nhật ký chung. Từ số liệu trên Nhật ký chung kế toán ghi sổ cái TK152, 133, 331...

Đồng thời, từ chứng từ gốc, kế toán phản ánh nghiệp vụ vào sổ chi tiết nguyên vật liệu.

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ cái để lập bảng cân đối tài khoản, đồng thời cũng từ sổ chi tiết các tài khoản, kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết. Sau khi kế toán đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết được lập từ các sổ chi tiết, số liệu từ bảng cân đối tài khoản và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

Tiếp ví dụ 1: Ngày 13/12/2024, Công ty Cổ phần PMP Vina mua thép SKD11 kích thước 16x225x245 từ Công ty TNHH Thép Đặc Biệt TGHP theo hóa đơn GTGT số 1657. Số lượng hàng hóa theo hóa đơn là 7,3 kg, đơn giá 113.000 đồng/kg, thành tiền 824.900 đồng (chưa VAT 10%), đã thanh toán cho người bán bằng tiền mặt.

Tiếp ví dụ 2: Ngày 13/12/2024, Công ty Cổ phần PMP Vina mua các loại vật tư từ Công ty TNHH T.Danhstech theo hóa đơn GTGT số 00000342. Các mặt hàng gồm: Nhôm thanh 15x25: 3 cây, đơn giá 175.000 đồng/cây. Khớp nối HJ1: 120 bộ, đơn giá 6.300 đồng/bộ. Khớp nối HJ2: 75 bộ, đơn giá 9.300 đồng/bộ. Khớp nối HJ7: 60 bộ, đơn giá 13.000 đồng/bộ. Cộng tiền hàng là 2.758.500 đồng, thuế GTGT 10%, tổng cộng giá thanh toán 3.034.350 đồng, đã thanh toán cho người bán bằng tiền mặt.

Tiếp ví dụ 3: Ngày 16/12/2024, Bộ phận sản xuất phát sinh nhu cầu sử dụng 7.3kg thép SKD11 phục vụ cho sản xuất đơn hàng PM1867: Bàn gia cố khung sắt 900*750*750.

Tiếp ví dụ 4: Ngày 22/12/2024, Bộ phận sản xuất phát sinh nhu cầu sử dụng các mã vật liệu 85 bộ khớp nối HJ1, 60 bộ khớp nối HJ2, 40 bộ khớp nối HJ7 phục vụ cho sản xuất đơn hàng PM2274.

Biểu 2. 18: Trích sổ Nhật ký chung năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN PMP VINA

Mẫu số: S03a-DN

**Số 85, đường 5 mới, Hùng Vương, (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Hồng Bàng, Hải Phòng**

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2024

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
			Số trang trước chuyển sang			
....						
13/12	13/12	NK232602 PC223701	Chi tiền mua hàng CÔNG TY TNHH THÉP ĐẶC BIỆT TGHP theo hóa đơn 1657	152 133 111	824.900 82.490	907.390
13/12	13/12	NK232595 PC223698	Chi tiền mua hàng CÔNG TY TNHH T.DANHTE CH theo hóa đơn 00000342	152 133 111	2.758.500 275.850	3.034.350
....						
16/12	16/12	XK09822	Xuất kho theo lệnh sản	621	824.900	

			xuất SX211221	152		824.900
22/12	22/12	XK05584	Xuất kho theo lệnh sản xuất SX145454	621 152	531.485	530.485
22/12	22/12	XK05584	Xuất kho theo lệnh sản xuất SX145454	621 152	556.860	556.860
22/12	22/12	XK05584	Xuất kho theo lệnh sản xuất SX145454	621 152	517.160	517.160
....						
Tổng cộng					148.339.523.184	148.339.523.184

- Số này có 69 trang, đánh số từ trang 01 đến trang 69

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần PMP Vina)

Biểu 2. 19: Trích sổ Cái năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN PMP VINA
Số 85, đường 5 mới, Hùng Vương,
Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số: S03a-DN
 (Ban hành theo Thông tư số
 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2024

Tên tài khoản: Nguyên vật liệu

Số hiệu: 152

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng 11		3.472.655.133	
13/12	PNK232062	13/12	Nhập kho Thép SKD11 16x225x245 từ Công ty Thép Đặc Biệt TGHP	111	824.900	
13/12	PNK232595	13/12	Nhập khớp nối HJ1 từ Công ty T.DanhTech	111	756.000	
13/12	PNK232595	13/12	Nhập khớp nối HJ2 từ Công ty T.DanhTech	111	697.500	

13/12	PNK232595	13/12	Nhập khớp nối HJ7 từ Công ty T.DanhTech	111	780.000	
....						
16/12	PXK09822	16/12	Xuất kho 7,3kg Thép SKD11	621		824.900
22/12	PXK05584	22/12	Xuất kho 85 bộ khớp nối HJ1	621		530.485
22/12	PXK05584	22/12	Xuất kho 75 bộ khớp nối HJ2	621		697.500
22/12	PXK05584	22/12	Xuất kho 40 bộ khớp nối HJ7	621		517.160
....						
			Cộng số phát sinh		7.820.450.000	8.365.900.000
			Số dư cuối tháng		2.927.205.133	

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần PMP Vina)

CHƯƠNG 3: HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN PMP VINA

3.1. Đánh giá chung về kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần PMP Vina

Trong quá trình hình thành và phát triển, Công ty Cổ phần PMP Vina đã từng bước ổn định tổ chức và mở rộng hoạt động sản xuất – kinh doanh trong lĩnh vực cơ khí, gia công kim loại. Trải qua nhiều giai đoạn khó khăn, đặc biệt là những năm đầu mới thành lập, Công ty đã từng bước khẳng định được vị thế của mình và đạt được những kết quả tích cực trên nhiều phương diện:

- Hoạt động sản xuất – kinh doanh diễn ra ổn định và có hiệu quả.
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước.
- Đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.
- Chú trọng tuyển dụng và đào tạo đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn, đáp ứng yêu cầu sản xuất – kinh doanh trong tình hình hiện nay.
- Không ngừng đầu tư vốn vào việc xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất ngày càng hiện đại hơn, góp phần nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

Cùng với sự phát triển chung của doanh nghiệp, công tác kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng tại Công ty Cổ phần PMP Vina cũng không ngừng được củng cố và hoàn thiện, từng bước đáp ứng yêu cầu quản lý và góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty.

3.1.1. Ưu điểm trong kế toán nguyên vật liệu

❖ Về tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán được tổ chức theo mô hình tập trung phù hợp với đặc điểm, quy mô của Công ty cũng như trình độ chuyên môn của kế toán viên. Theo mô hình này, toàn bộ công việc đều tập trung tại phòng kế toán của Công ty. Việc áp dụng mô hình này đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất, kiểm tra, cung cấp thông tin kịp thời, thuận lợi trong công tác phân công công việc. Đồng thời, tổ chức bộ máy gọn nhẹ giúp tiết kiệm chi phí.

Kế toán trưởng thường xuyên kiểm tra các chi phí phát sinh, phát hiện các nghiệp vụ bất thường cần điều chỉnh lại và nắm bắt nguồn tài chính của DN, từ đó tham mưu các kế hoạch cho ban lãnh đạo.

Đội ngũ cán bộ kế toán viên có trình độ, năng lực, kinh nghiệm và sự trung thực trong công tác kế toán, không ngừng bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ góp phần đắc lực vào công tác hạch toán và quản lý kinh tế của DN.

Phòng kế toán DN luôn áp dụng chế độ kế toán theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và tuân thủ pháp luật.

Bộ máy kế toán của Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung và thực hiện ghi sổ thủ công theo đúng quy định hiện hành. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi chép đầy đủ, kịp thời và theo trình tự thời gian, đảm bảo tính chính xác, rõ ràng và dễ kiểm tra, đối chiếu. Qua đó, công tác kế toán được thực hiện thống nhất, phục vụ tốt cho công tác quản lý và kiểm soát hoạt động tài chính của Công ty.

❖ Về công tác quản lý nguyên vật liệu

NVL là yếu tố đầu vào quan trọng cho hoạt động của Công ty, vì vậy, công tác thu mua NVL luôn được chú trọng. Công ty có một đội ngũ cán bộ thu mua năng động, có khả năng nắm bắt thông tin nhanh nhạy về những biến động của giá cả trên thị trường, từ đó tìm mua những NVL với giá cả hợp lý, kịp thời đáp ứng nhu cầu của Công ty. Bên cạnh đó, tổ cung ứng cũng thường xuyên tìm những nguồn cung cấp vật liệu ổn định với giá mua thấp và đảm bảo chất lượng, góp phần làm giảm chi phí NVL, giảm chi phí sản xuất, giảm giá thành sản phẩm, tăng lợi thế cạnh tranh cho các sản phẩm của Công ty.

Việc xuất dùng NVL được thực hiện theo đúng mục đích và kế hoạch sản xuất của Công ty. Khi có nhu cầu về vật liệu, các bộ phận phải lập giấy đề nghị xuất vật tư gửi lên phòng kế hoạch và phải được lãnh đạo xem xét, ký duyệt. Điều này giúp quản lý chặt chẽ NVL xuất dùng và tránh mất mát NVL.

❖ Về chứng từ kế toán

Hệ thống chứng từ kế toán được sử dụng tại DN tuân theo đúng các quy định trong chế độ về danh mục, quy trình lập và luân chuyển chứng từ, thường xuyên có sự đối chiếu giữa phòng kế toán và các phòng khác có liên quan. Các chứng từ được lập kịp thời và theo đúng nghiệp vụ kinh tế thực tế đã phát sinh. Các chứng từ đều được lập dựa theo mẫu Bộ Tài chính ban hành, sau đó được bảo quản và lưu giữ theo đúng yêu cầu về bảo quản và lưu giữ chứng từ của Nhà nước. Công tác phân loại, lưu giữ và kiểm tra chứng từ được DN thực hiện một cách

khá hợp lý và liên tục. Các chứng từ đều được tập hợp đầy đủ để tiến hành ghi chép kế toán giúp cho các nhà quản lý nắm bắt tình hình của DN được dễ dàng.

❖ Về công tác kế toán chi tiết nguyên vật liệu

Kế toán chi tiết NVL theo phương pháp thẻ song song là phù hợp với DN, trình độ của kế toán viên cũng như thủ kho và đặc điểm nguyên vật liệu ở đơn vị. Từ đó, cung cấp các thông tin chính xác cho yêu cầu quản trị của Công ty và tập hợp chính xác chi phí NVL cho từng đối tượng tính giá thành. Trình tự ghi sổ hợp lý, dễ dàng đối chiếu, phục vụ tốt công tác kiểm tra, kiểm soát của Công ty và các cơ quan chức năng khi cần thiết.

❖ Về công tác kế toán tổng hợp nguyên vật liệu

Công ty Cổ phần PMP Vina áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung, giúp công tác kế toán tổng hợp nguyên vật liệu được thực hiện thống nhất, rõ ràng và dễ kiểm soát. Các nghiệp vụ nhập – xuất nguyên vật liệu được ghi chép kịp thời theo trình tự thời gian, thuận tiện cho việc đối chiếu số liệu, hạn chế sai sót và cung cấp thông tin chính xác phục vụ công tác quản lý chi phí và lập báo cáo tài chính.

3.1.2. Hạn chế còn tồn tại

Bên cạnh những ưu điểm, công tác kế toán tại Công ty Cổ phần PMP Vina còn tồn tại những hạn chế nhất định cần cải thiện để phù hợp với yêu cầu quản lý:

❖ Về phân loại nguyên vật liệu

Công ty Cổ phần PMP Vina là một Công ty chuyên sản xuất các sản phẩm là cơ khí, sử dụng sinh hoạt hàng ngày nên khối lượng nguyên vật liệu sử dụng là rất lớn và đa dạng về chủng loại, phẩm chất, kích cỡ. Hiện tại, Công ty đang phân loại nguyên vật liệu dựa trên vai trò và công dụng của chúng trong sản xuất. Cách phân loại như vậy tuy có hợp lý song lại chưa chi tiết và cụ thể. Chính vì vậy, tại kho bảo quản vẫn có trường hợp nhầm lẫn giữa loại này với loại khác, thậm chí các loại nguyên vật liệu Công ty không phân loại theo công dụng, đặc tính mà xếp chung với nguyên vật liệu phụ như que hàn, sơn, dung môi,... Việc phân loại như trên làm cho công tác kế toán không được chính xác, cung cấp thông tin không đúng, hạn chế chức năng quản lý của kế toán.

❖ Về việc chưa áp dụng phần mềm kế toán

Hiện nay, Công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán chuyên dụng mà chủ yếu thực hiện ghi chép và tổng hợp số liệu thủ công. Điều này làm cho công tác kế toán nguyên vật liệu mất nhiều thời gian, dễ phát sinh sai sót trong quá trình ghi chép, đối chiếu và tổng hợp số liệu, đặc biệt khi khối lượng nghiệp vụ phát sinh lớn. Nguyên nhân chủ yếu là do quy mô doanh nghiệp chưa lớn và Công ty chưa đầu tư đầy đủ vào hệ thống công nghệ thông tin phục vụ công tác kế toán.

3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần PMP Vina

❖ Ý kiến thứ nhất: Về việc phân loại và lập sổ danh điểm vật liệu

Với đặc điểm sản xuất và nguyên vật liệu như hiện tại, theo em, Công ty nên xây dựng một hệ thống danh điểm vật tư thống nhất toàn Công ty và sử dụng “Sổ danh điểm nguyên vật liệu”

Sổ danh điểm nguyên vật liệu là sổ danh mục tập hợp toàn bộ các loại nguyên vật liệu đã và đang sử dụng, theo dõi theo từng loại, từng nhóm, quy cách vật liệu một cách chặt chẽ, logic. Hệ thống các danh điểm vật tư có thể được xác định theo nhiều cách thức khác nhau nhưng phải đảm bảo đơn giản, dễ nhớ, không trùng lặp. Mỗi loại, mỗi nhóm vật liệu được quy định một mã riêng sắp xếp một cách trật tự, thuận tiện cho việc tìm kiếm khi cần thiết.

Cụ thể nguyên vật liệu ở Công ty có thể được phân thành các loại: nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ, nhiên liệu, phụ tùng thay thế, phế liệu thu hồi và nguyên vật liệu khác. Theo đó, tài khoản 152 được mở chi tiết thành 06 tài khoản cấp 2 sau:

- TK 1521 “Nguyên vật liệu chính”: sắt, thép, tôn, inox...
- TK 1522 “Nguyên vật liệu phụ”: sơn, que hàn, dung môi, giấy giáp...
- TK 1523 “Nhiên liệu”: xăng, dầu diesel...
- TK 1524 “Phụ tùng thay thế”: đinh vít, gioăng...
- TK 1525 “Phế liệu thu hồi”: phôi lá thép...
- TK 1526 “Nguyên vật liệu khác”: bao tải...

Việc mở thêm các tiểu khoản, sẽ giúp cho việc quản lý theo dõi các loại nguyên vật liệu một cách khoa học và thuận tiện hơn, tránh gây tình trạng nhầm lẫn, sai sót, đồng thời phản ánh đúng theo quy định của Nhà nước, tạo điều kiện

thuận lợi trong kiểm soát chi phí nguyên vật liệu, giảm chi phí nguyên vật liệu hay so sánh chi tiết chi phí nguyên vật liệu trong giá thành sản phẩm trong các kỳ.

Để lập sổ danh điểm nguyên vật liệu điều quan trọng nhất phải xây dựng được bộ mã vật liệu chính xác, đầy đủ, không trùng lặp, có dự trữ để bổ sung những mã vật tư chưa có.

Sổ danh điểm nguyên vật liệu Công ty có thể lập theo mẫu sau:

SỔ DANH ĐIỂM NGUYÊN VẬT LIỆU

Loại: Nguyên vật liệu

Ký hiệu: 1521

Ký hiệu		Tên, nhãn hiệu, quy cách nguyên vật liệu	ĐVT	Ghi chú
Nhóm	Danh điểm			
1521T		Thép các loại	Kg	
	1521T-01	Thép mạ kẽm		
	1521T-02	Thép phi 12		
	1521T-03	Thép phi 6		
				
1521LT1		Lá thép inox	Kg	
	1521LT1-01	Lá thép inox 0.5mm		
	1521LT1-02	Lá thép inox 1.5mm		
				

❖ Ý kiến thứ hai: Về sử dụng phần mềm kế toán

Hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán tiện ích như MISA, FAST, Bravo,... Với hình thức “Nhập ký chung” Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán MISA. Việc áp dụng phần mềm kế toán vào hạch toán tại Công ty là điều cần thiết khi khối lượng công việc kế toán tương đối nhiều. Ngoài ra, mỗi kế toán đều được trang bị một máy tính riêng nên việc đưa phần mềm kế toán vào áp dụng là hợp lý. Từ đó giúp tiết kiệm được thời gian, giảm bớt khó khăn trong công việc kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa các sổ, giúp kế toán tính toán, tổng hợp số liệu, lập báo cáo nhanh chóng và có độ chính xác cao, giảm thiểu việc ghi chép thủ công và giúp lưu trữ, bảo quản dữ liệu, thông tin kế toán được an toàn. Phần mềm kế toán được ứng dụng sẽ mang lại hiệu quả cao và thiết thực cho Công ty.

Phần mềm kế toán MISA

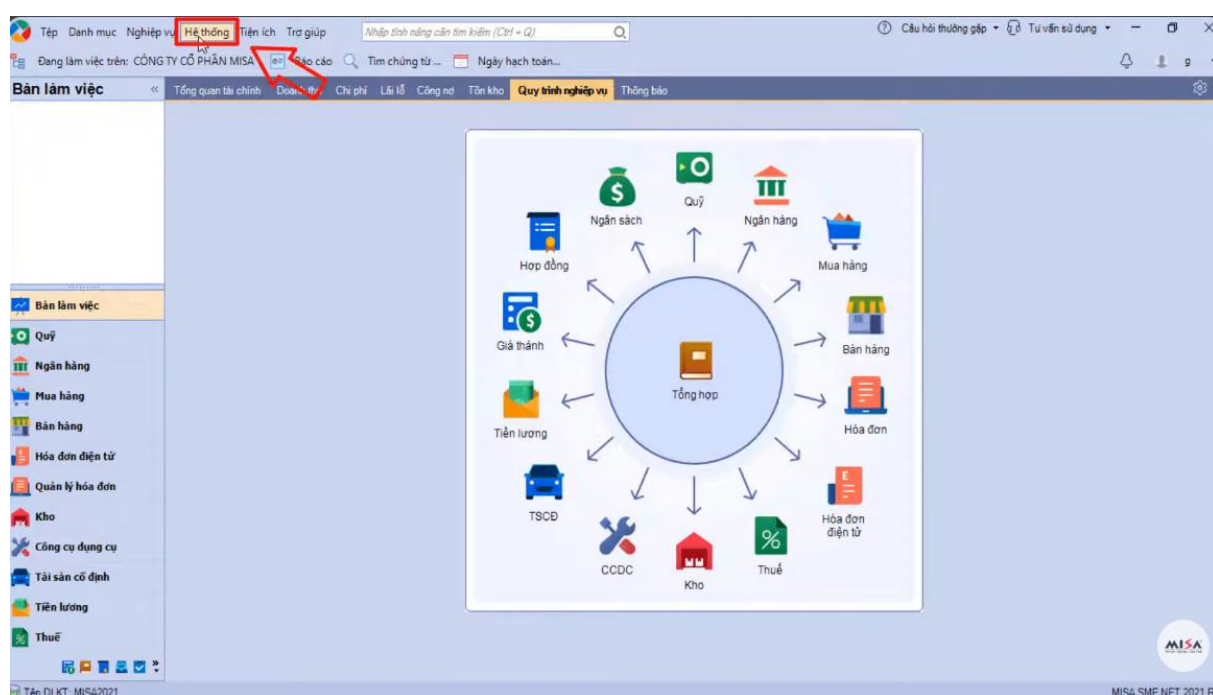
Phần mềm kế toán MISA được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, mục tiêu giúp cho các doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí cũng như không cần nhiều hiểu biết về tin học mà kế toán vẫn có thể làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

+ Tính chính xác: Số liệu tính toán trong MISA rất chính xác, ít xảy ra các sai sót bất thường, điều này giúp kế toán yên tâm hơn.

+ Tính bảo mật: Phần mềm kế toán MISA có tính bảo mật rất cao.

+ Phần mềm cho phép tạo nhiều cơ sở dữ liệu, mỗi đơn vị thao tác trên một cơ sở dữ liệu độc lập.

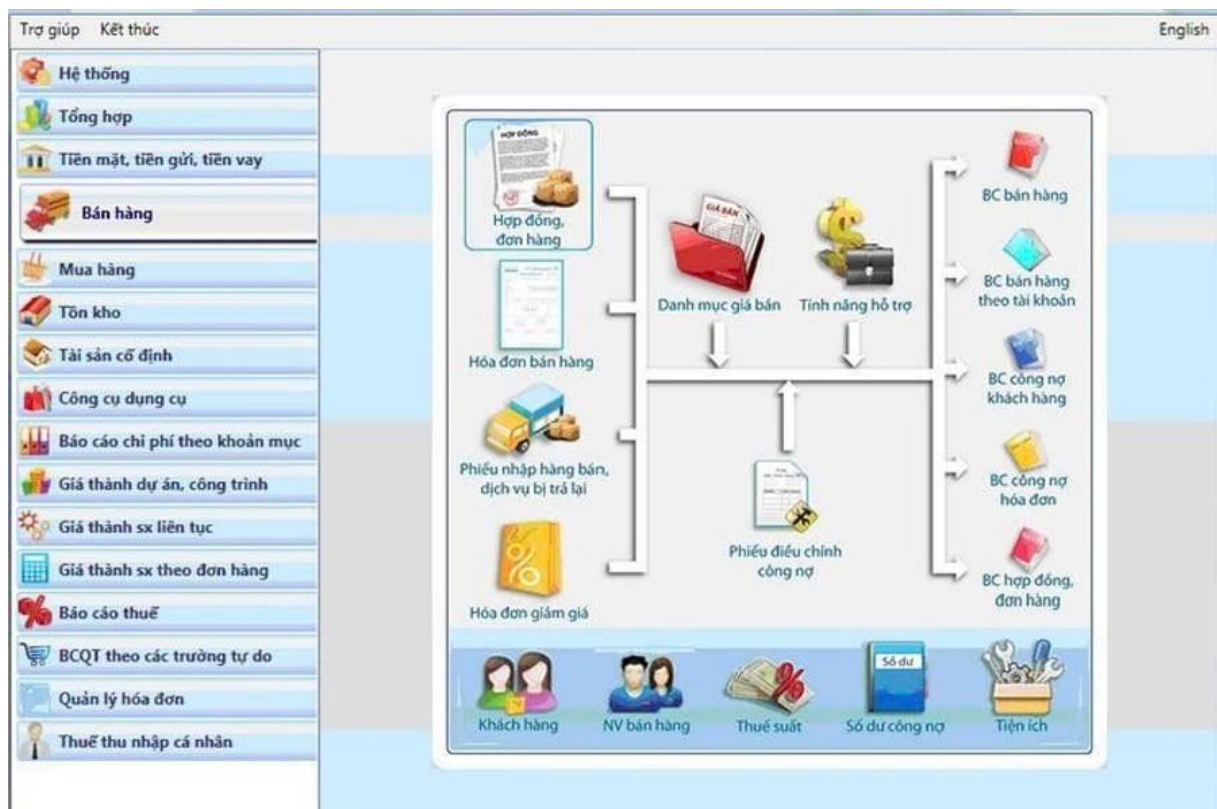
+ Giao diện thân thiện, dễ sử dụng, cho phép cập nhật dữ liệu linh hoạt. Bám sát chế độ kế toán, các mẫu biểu chứng từ, sổ sách kế toán luôn tuân thủ chế độ kế toán.



Phần mềm kế toán FAST

Phần mềm kế toán Fast dành cho loại hình doanh nghiệp có quy mô từ nhỏ đến lớn điển hình là các doanh nghiệp lớn cần phải báo cáo về việc quản lý. Sau đây là một số tính năng ưu việt của phần mềm kế toán Fast:

- + Giao diện thân thiện, dễ sử dụng.
- + Luôn cập nhật những đổi mới nhất về các chính sách điều khoản thuế, thông tư và các nghị định của Bộ Tài Chính.
- + Bám sát các chế độ kế toán hiện hành và xử lý dữ liệu, số liệu một cách chính xác nhất.
- + Cho phép kết xuất báo cáo ra Excel với mẫu biểu sắp xếp đẹp



KẾT LUẬN

Trong điều kiện kinh tế cạnh tranh hiện nay, công tác kế toán nguyên vật liệu giữ vai trò quan trọng trong việc kiểm soát chi phí, sử dụng hiệu quả nguồn lực và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Việc tổ chức hợp lý công tác kế toán nguyên vật liệu góp phần hạn chế thất thoát, hạ giá thành sản phẩm và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.

Trong thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần PMP Vina, em đã có cơ hội tìm hiểu thực tế về công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ cũng như một số nội dung kế toán liên quan. Trên cơ sở kiến thức đã được học tại nhà trường kết hợp với quá trình quan sát và tìm hiểu thực tiễn, cùng sự hướng dẫn và hỗ trợ của các anh chị trong phòng kế toán, em đã hoàn thành khóa luận với đề tài “Kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty Cổ phần PMP Vina”.

Qua quá trình nghiên cứu, em nhận thấy công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty được tổ chức tương đối khoa học, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh. Quy trình nhập – xuất – tồn được thực hiện rõ ràng, chứng từ được lập và lưu trữ đầy đủ, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nguyên vật liệu. Tuy nhiên, công tác này vẫn còn một số hạn chế cần tiếp tục hoàn thiện để đáp ứng tốt hơn yêu cầu quản lý trong thời gian tới.

Thông qua quá trình thực tập, em đã tích lũy thêm nhiều kiến thức và kinh nghiệm thực tế, làm quen với môi trường làm việc tại doanh nghiệp. Em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của giảng viên hướng dẫn cùng sự giúp đỡ của các anh chị trong phòng kế toán Công ty Cổ phần PMP Vina. Do thời gian và năng lực còn hạn chế, khóa luận không tránh khỏi thiếu sót, em mong nhận được sự đóng góp ý kiến của thầy cô để bài viết được hoàn thiện hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2014), *Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.
2. Bộ Tài chính (2021), *Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam*, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.
3. Các tài liệu tham khảo từ Công ty Cổ phần PMP Vina: *Điều lệ công ty, quy chế tài chính và các tài liệu kế toán nội bộ, Báo cáo tài chính, sổ kế toán tổng hợp và sổ chi tiết liên quan đến công tác kế toán nguyên vật liệu*
4. Bộ Tài chính (2019), *Hướng dẫn thực hành kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200*, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.
5. Cổng Thông tin điện tử Chính phủ: *Các văn bản pháp luật về kế toán, tài chính doanh nghiệp*, <https://vanban.chinhphu.vn>
6. Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính: *Văn bản quy phạm pháp luật về kế toán*, <https://mof.gov.vn>